

QUY CHẾ QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ

Ngày 09/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ. Nội dung tóm tắt cụ thể như sau:

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức và cá nhân nước ngoài có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng phòng hộ tại Việt Nam.

Quy chế nêu rõ, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh) quản lý nhà nước về rừng phòng hộ trên địa bàn cấp tỉnh về các lĩnh vực sau:

Tổ chức việc lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ cấp tỉnh, chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ rừng phòng hộ của địa phương. Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để chỉ đạo UBND cấp huyện, xã, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng phòng hộ.

Thành lập, sáp nhập, chia tách và giải thể các ban quản lý (BQL) khu rừng phòng hộ theo quy định của pháp luật. Tổ chức việc phân loại rừng, xác định ranh giới, xác lập các khu rừng phòng hộ của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ, công nhận quyền sử dụng rừng phòng hộ theo quy định của pháp luật; việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất rừng phòng hộ trên địa bàn;...

Trường hợp khu rừng phòng hộ được thành lập có diện tích nằm trên địa bàn liên huyện thì việc quản lý khu rừng phòng hộ thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm phối hợp quản lý bảo vệ diện tích rừng phòng hộ trong phạm vi địa giới hành chính. Chủ tịch UBND các cấp trong phạm vi trách nhiệm của mình, nếu để xảy ra tình trạng vi phạm Quy chế về quản lý, quy hoạch, đầu tư sai mục đích sử dụng rừng phòng hộ, để xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật, cháy rừng gây hậu quả nghiêm trọng trên địa bàn mà không có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ phải đảm bảo không làm giảm chức năng phòng hộ của rừng và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Sản lượng khai thác quy định tại các Điều 14, 15 và 16 của Quy chế này. Trong

rừng phòng hộ là rừng tự nhiên không được khai thác những loài động, thực vật rừng nguy cấp quý, hiếm và những loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Quy chế cũng quy định về BQL rừng phòng hộ. Theo đó, BQL rừng phòng hộ là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, do UBND cấp tỉnh thành lập theo quy định của pháp luật. BQL rừng phòng hộ có trách nhiệm quản lý đối với diện tích rừng phòng hộ được nhà nước giao. Quyền hạn và nghĩa vụ của BQL rừng phòng hộ thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 60 và 62 của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004.

Nguồn thu từ khai thác lâm sản, hoạt động du lịch sinh thái, chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ lâm nghiệp khác được cân đối trong kế hoạch tài chính của BQL rừng phòng hộ, chia sẻ lợi ích trên cơ sở cơ chế đồng quản lý và chi cho lao động hợp đồng theo cơ chế tự trang trải.

* Trách nhiệm của các Bộ, Ngành và địa phương:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT: Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và UBND cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc đầu tư cho các khu rừng phòng hộ. Tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách quy định tại Quy chế này và các chính sách liên quan. Vận động các nhà tài trợ hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật để bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT cân đối nguồn vốn đầu tư cho rừng phòng hộ.

- Bộ Tài chính: Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và PTNT trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách hàng năm, 3 năm và 5 năm để thực hiện Quy chế này.

- UBND cấp tỉnh: Chỉ đạo, tổ chức, rà soát toàn bộ diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn theo Quy chế này. Tổ chức giao, cho thuê theo quy định của pháp luật, trong đó ưu tiên giao, cho thuê đối với diện tích đất này cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cư trú hợp pháp trên địa bàn. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho BQL rừng phòng hộ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn hoàn thành trong năm 2016. Hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Quy chế này về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 30/7/2015 ■

BBT (gt)

Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA BỘ TRƯỞNG CAO ĐỨC PHÁT TẠI HỘI NGHỊ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ TÔM NƯỚC LỢ

Ngày 13/7/2015 tại tỉnh Bạc Liêu, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát đã chủ trì Hội nghị Phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ tôm nước lợ. Ngày 24/7/2015, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Thông báo số 5908/TB-BNN-VP về Ý kiến kết luận của Bộ trưởng tại Hội nghị, đề nghị các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương tập trung một số giải pháp sau:

1. Tổng cục Thủy sản

- Chủ trì phối hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường và cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp và người dân, ít nhất 2 lần/tháng.

- Chủ trì, phối hợp Cục Thú y, các Viện Nghiên cứu NTTS và địa phương làm rõ trách nhiệm và hướng dẫn nhiệm vụ quan trắc môi trường với cảnh báo dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản, trước hết và trọng tâm là tôm nước lợ.

- Phối hợp với các địa phương đẩy mạnh hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, hộ sản xuất nhỏ, trước hết tại vùng nuôi tôm sú quảng canh/quảng canh cải tiến, có biện pháp tăng năng suất; tăng cường tập huấn cho người dân đặc biệt là người nuôi tôm thâm canh theo quy mô nông hộ.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện quyết liệt các hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư đầu vào dùng trong nuôi trồng thủy sản.

2. Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

Chủ trì phối hợp với Cục Thú y tiếp tục tháo gỡ các khó khăn về rào cản kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu; phối hợp với VASEP khởi động lại Chương trình “Nói không với tạp chất”.

3. Cục Thú y

- Tăng cường giám sát dịch bệnh, kiểm tra giám sát dịch bệnh, kiểm tra giám sát thường xuyên và quyết liệt tại các trại giống, tiêu hủy hoàn toàn giống có bệnh; tham mưu trình Bộ trưởng ban hành chỉ thị về công tác tăng cường quản lý dịch bệnh trong các cơ sở sản xuất tôm giống.

- Tăng cường đào tạo cho cán bộ địa phương về thú y thủy sản; tổ chức các hội nghị chuyên ngành về thú y thủy sản.

4. Vụ Hợp tác quốc tế

Phối hợp với Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối tham mưu và tổ chức Đoàn công tác của Bộ tại Ấn Độ để giải quyết các vướng mắc về

xuất nhập khẩu nông sản, trong đó có việc giám sát nhập khẩu tôm nguyên liệu từ Ấn Độ, đồng thời thúc đẩy hợp tác về nông nghiệp giữa hai nước.

5. Tổng cục Thủy lợi

- Nghiên cứu và phối hợp với Tổng cục Thủy sản để điều chỉnh quy hoạch và xây dựng các mô hình thủy lợi phù hợp cho các mô hình nuôi khác nhau, đặc biệt là vùng nuôi tôm nước lợ trọng điểm tại ĐBSCL.

- Tiếp tục huy động nguồn lực cho xây dựng cơ sở hạ tầng trong nuôi trồng thủy sản.

6. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bạc Liêu hoàn thiện hồ sơ về nuôi tôm công nghệ cao để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét.

7. Các đơn vị thuộc Bộ

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016.

- Tiếp thu các ý kiến khác nhau của các địa phương để tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phù hợp thực tiễn.

8. Các Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tổ chức kiểm tra đồng loạt vật tư đầu vào dùng trong nuôi trồng thủy sản: thức ăn, thuốc, chế phẩm sinh học, giống và giám sát theo đúng trách nhiệm.

- Chỉ đạo giám sát, ngăn chặn việc bơm tạp chất vào tôm nguyên liệu.

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thủy sản ở địa phương, tăng cường năng lực quản lý nhà nước về thú y thủy sản.

- Báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ mặt bằng cho các doanh nghiệp đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao.

9. Các doanh nghiệp

Cần thể hiện vai trò đầu tàu trong nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện liên kết chuỗi với người chăn nuôi để giảm giá thành sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất■

BBT (gt)

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT NHẪM HIỆN ĐẠI HÓA ĐỘI TÀU CÁ KHAI THÁC XA BỜ KHU VỰC MIỀN TRUNG



Ban cố vấn trả lời câu hỏi của đại biểu tại Diễn đàn

Ngày 30/7/2015 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Tổng cục Thủy sản và Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hoà tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm hiện đại hóa đội tàu cá khai thác xa bờ khu vực miền Trung”. Gần 300 đại biểu, với 200 nông ngư dân thuộc 8 tỉnh duyên hải miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa) tham dự Diễn đàn. Đây là Diễn đàn thứ 2 trong năm về chủ đề ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm hiện đại hoá đội tàu cá khai thác xa bờ, sau diễn đàn tổ chức tại Kiên Giang vào cuối tháng 6 vừa qua. Nghề khai thác hải sản xa bờ ở nước ta luôn giữ vai trò quan trọng trong ngành thủy sản. Hiện nay, ngoài yếu tố tạo công ăn việc làm cho hơn 400.000 lao động trực tiếp trên biển, đây còn là nghề mang lại thu nhập, nâng cao đời sống cho hàng triệu lao động các ngành dịch vụ nghề cá và ngư dân các tỉnh ven biển. Nhiều năm qua, nghề khai thác thủy sản xa bờ còn gắn với bảo

vệ vững chắc chủ quyền biển đảo; đặc biệt, gần đây, khi những tranh chấp chủ quyền biển đảo trong khu vực Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, thì việc tổ chức sản xuất khai thác thủy hải sản trên biển, hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào khai thác hải sản xa bờ hiện vẫn còn nhiều hạn chế làm giảm đáng kể chất lượng hải sản sau khai thác.

Nhằm giúp bà con ngư dân nắm bắt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời cập nhật tiến bộ kỹ thuật trong

hoạt động khai thác xa bờ, Ban tổ chức Diễn đàn đã mời các cơ quan, đơn vị liên quan tham luận 16 báo cáo, lựa chọn giới thiệu 9 văn bản chính sách về phát triển thủy sản. Thông qua Diễn đàn, bà con đã thu nhận được nhiều thông tin về thực trạng nghề khai thác thủy sản các tỉnh duyên hải miền Trung; ứng dụng kỹ thuật và công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sản phẩm trên tàu; chính sách hỗ trợ ngư dân phát triển sản xuất; phương pháp tiếp cận thông tin dự báo ngư trường; đề xuất giải pháp tổ chức, quản lý hoạt động khai thác, liên kết sản xuất, cũng như tư vấn hỗ trợ ngư dân tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động khai thác xa bờ.

Trong phần trao đổi thảo luận, các cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp đã trả lời và tư vấn đầy đủ, chi tiết những vấn đề đại biểu và ngư dân quan tâm với trên 40 câu hỏi về chính sách hỗ trợ hiện đại hóa tàu cá, ứng dụng các thiết bị điện tử hàng hải trên đội tàu khai thác hải sản xa bờ đạt hiệu quả kinh tế cao.



Các đại biểu tham quan triển lãm các thiết bị phục vụ đánh bắt xa bờ

Kết luận Diễn đàn, TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã đưa ra một số giải pháp:

- Đối với cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương: Cần nghiên cứu các ý kiến, kiến nghị của ngư dân trong việc thực hiện Nghị định 67 của Chính phủ, trình tinh bổ sung chính sách để ngư dân được vay vốn thực hiện việc hiện đại hóa đội tàu, tổ hợp tác tăng cường khối đoàn kết, hỗ trợ ngư dân đi biển. Hỗ trợ kinh phí xây dựng hầm bảo quản sản phẩm khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch từ 20 - 30% xuống 10 - 15%.

- Các viện, trường nghiên cứu, chế tạo, chuyển giao công nghệ, thiết bị khai thác cải tiến; hướng dẫn ngư dân sử dụng Rada, các thiết bị hàng hải khác nhằm giảm giá thành, giảm nhân lực. Tuyên truyền để bà con không sử dụng các chất hủy diệt đánh bắt cá, tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho ngư dân.

- Hệ thống khuyến nông: Tăng cường công tác tuyên truyền, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình khai thác thủy sản xa bờ hiệu quả. Lựa chọn thời điểm phù hợp tổ chức đoàn tham quan giữa các tổ, đội, ngư dân chủ chốt để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Doanh nghiệp: Tổ chức liên kết sản xuất, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm sau khai thác. Ngân hàng tư vấn cho ngư dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi theo chính sách nhằm cải hoán, hiện đại hoá tàu khai thác thủy sản xa bờ.

Sau Diễn đàn này, các tỉnh tiếp tục tuyên truyền, khuyến cáo và tư vấn cho ngư dân xây dựng, phát triển đội tàu đánh bắt hải sản, nâng cao khả năng đánh bắt xa bờ; nâng cao hiệu quả khai thác, giảm tổn thất sau thu hoạch; hình thành các tổ đội liên kết trên biển ■

VŨ THỊ BÍCH DƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Ngày 24 tháng 7 năm 2015 tại Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Cục Chăn nuôi phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam chủ trì tổ chức Diễn đàn “Phát triển nuôi ong mật bền vững, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ nội tiêu và xuất khẩu”. Đây là Diễn đàn đầu tiên với chuyên đề về nuôi ong mật nên đã thu hút đông đảo sự tham gia của người chăn nuôi ong quan tâm và nhiều chuyên gia đầu ngành đến từ Cục Chăn nuôi, Cục Thú y, Viện Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông một số tỉnh Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Hội Nuôi ong Việt Nam, Công ty Ong Trung ương, Công ty cổ phần Ong mật Đắc Lắc. Diễn đàn đã thu hút gần 270 đại biểu, trong đó có gần 200 nông dân là người trực tiếp nuôi ong tại các địa phương. Diễn đàn có sự quan tâm đặc biệt của các doanh nghiệp ngành ong, các đơn vị đang gặp khó khăn trong nuôi ong và xuất khẩu mật ong hiện nay.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, TS. Hạ Thuý Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã khẳng định: Chương trình nuôi ong mật phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đang được ưu tiên phát triển, trong đó việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật và hệ thống truy xuất nguồn gốc của mật ong từ “trại nuôi đến bàn ăn” là rất cần thiết để khẳng định chất lượng mật ong, giúp ngành ong Việt Nam dần chiếm lĩnh vị thế trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó, việc nuôi ong mật cũng giúp thụ phấn cho cây trồng, tăng sản lượng và chất lượng cho cây trồng. Thời gian tới, cần đẩy mạnh công tác đào

trào nghề nuôi ong mật cho nông dân, đồng thời xây dựng mô hình khuyến nông về phát triển nuôi ong lấy mật.

Tại Diễn đàn này, nhiều vấn đề được bà con quan tâm như nâng cao chất lượng đàn giống gốc, định hướng phát triển ong mật hiệu quả, bền vững, tháo gỡ khó khăn vướng mắc giữa nuôi ong và cây trồng, vấn đề kiểm dịch và vận chuyển đàn ong, thị trường xuất khẩu mật ong, đặc biệt với thị trường Mỹ và EU.

Diễn đàn đã cung cấp thông tin chủ trương, chính sách và lợi ích của việc nuôi ong đối với cây trồng gắn ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm ong mật theo định hướng tái cơ cấu ngành. Trong phần trao đổi, đối thoại trực tiếp giữa đại diện cơ quan quản lý, nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp với người nuôi ong và các đại biểu đã giải đáp thỏa đáng 45 nhóm câu hỏi về các vấn đề (quản lý, chính sách; kỹ thuật nuôi ong, phòng bệnh trên ong, các tiêu chuẩn kỹ thuật của mật ong xuất khẩu, kiểm dịch vận chuyển đàn ong, tổ chức liên kết sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong).

Trao đổi với các đại biểu, TS. Nguyễn Văn Trọng - Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho biết: Ngành chăn nuôi ong là ngành có giá trị xuất khẩu cao, để đạt được yêu cầu chất lượng sản phẩm xuất khẩu đòi hỏi người chăn nuôi phải tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện phát triển chăn nuôi (trong đó có nuôi ong mật) theo quy hoạch, tổ chức sản xuất theo chuỗi ngành hàng, liên kết sản xuất theo tổ hợp tác, hợp tác xã, đẩy mạnh vai trò của doanh nghiệp trong khâu lưu thông sản phẩm...”.

PHÁT TRIỂN NUÔI *Ông mật* AN TOÀN BỀN VỮNG



Cũng trong phần đối thoại trực tiếp với nông dân, ông Nguyễn Văn Muộn - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam cho biết: Hiện nay tình hình Quảng Nam cũng như một số tỉnh miền Trung đang xuất hiện tình trạng người dân phản ứng khá gay gắt với chủ nuôi ong, cản trở việc phát triển nuôi, thậm chí xua đuổi người nuôi ong ... Nguyên nhân do người dân thiếu hiểu biết về tác dụng của việc nuôi ong với cây trồng, họ cho rằng khi ong hút mật từ nhụy hoa có thể làm giảm năng suất cây trồng. Thông qua Diễn đàn này, người dân đã hiểu rõ hơn về tác dụng của ong mật giúp cây trồng thụ phấn, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho cây trồng. Tuy nhiên, người nuôi ong phải tuân thủ các quy định xuất trình giấy kiểm dịch với cơ quan chức năng, liên hệ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự khi đến địa điểm đặt đàn ong.

Thách thức đối với mật ong xuất khẩu của Việt Nam trong Hiệp định TPP:

- Tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt về chất lượng và an toàn thực phẩm đối với mật ong xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu của thị trường Hoa Kỳ, đặc biệt là lượng tồn dư thuốc kháng sinh và thuốc bảo vệ thực vật trong mật ong. Mở rộng thị trường xuất khẩu các nước khác trong TPP chưa được khai thác, đặc biệt là thị trường Nhật Bản và Australia;

- Xây dựng thương hiệu mật ong Việt Nam trên thị trường quốc tế nói chung và TPP nói riêng;

- Xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn công nghiệp cho ong để thay thế phần hoa tự nhiên vào những vụ khan hiếm nguồn phấn tự nhiên hoặc nguồn hoa không có phấn như vụ mật keo, trà, cao su...

Định hướng và giải pháp triển sản xuất nuôi ong bền vững:

- Phát triển vững chắc nghề nuôi ong ở Việt Nam, mở rộng sản xuất theo chuỗi hàng hoá

quy mô lớn để xuất khẩu, cùng với phát triển nuôi ong quy mô nhỏ để tăng thu nhập cho người nông dân và góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Nghiên cứu chọn lọc nâng cao chất lượng các giống ong ngoại và ong nội hiện có tại Việt Nam; Nâng cao năng suất mật ong tăng từ 1,0 - 1,5%/năm, đạt 42 - 43 kg mật/thùng tiêu chuẩn/năm đối với ong ngoại và đạt 21 - 23 kg mật/thùng tiêu chuẩn/năm đối với ong nội.

- Xây dựng và bảo vệ thương hiệu mật ong Việt Nam, đặc biệt là chống gian lận thương mại.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo huấn luyện để người chăn nuôi nâng cao nhận thức về nghề nuôi ong mật và mối quan hệ của nó đối với cây trồng, đồng thời hướng dẫn họ tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định về phát triển chăn nuôi an toàn bền vững ■

VŨ THỊ BÍCH DƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Phú Yên: KHI CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG

RA KHƠI CÙNG

ngư dân

Năm 2012, từ nguồn kinh phí cấp Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Phú Yên đã triển khai “Mô hình máy dò ngang cho tàu khai thác xa bờ”. Tôi - một cán bộ khuyến nông được cơ quan phân công, giao trách nhiệm thực hiện mô hình máy dò ngang trên tàu cá của ông Nguyễn Trí Thành ở xã An Mỹ, huyện Tuy An.

Từ khi được giao nhiệm vụ, chúng tôi đã nhiều lần cùng nhau ra khơi. Mỗi chuyến biển, đối với tôi là một dấu ấn không thể nào quên, đặc biệt là chuyến đi đầu tiên trong hành trình ra khơi cùng ngư dân. Một buổi, thuyền trưởng Thành thông báo, 2 giờ chiều, tàu sẽ rời cảng, bắt đầu một chuyến đánh bắt khơi xa. Khi hoàng hôn dần bao phủ mặt biển, tàu đã đưa đoàn đi khá xa, nhìn về hướng đất liền chỉ còn thấy những tia nắng yếu ớt cuối ngày khuất sau dãy núi.

Với tôi, đêm trên biển có một cảm giác thật lạ! Bóng đêm trên biển, sóng, gió và xa xa là ánh sáng của những con tàu đánh bắt khác... Nghĩ ngợi sau bữa cơm chiều, những ngư dân đã hoàn tất công việc chuẩn bị, họ sẵn sàng buông mề lưới đêm. Tôi cùng thuyền trưởng Thành bật máy để dò cá, chúng tôi có nhiệm vụ theo dõi trên màn hình để kịp thời phát hiện đàn cá và điều chỉnh hướng quét, góc nghiêng... trên máy dò ngang.



Đàn cá nục mới cất lên từ biển được chuyển sang tàu thu mua

Tàu chúng tôi chạy dò cá hơn 2 giờ đồng hồ nhưng chưa phát hiện được đàn cá nào lớn! Qua lcom chúng tôi được thuyền trưởng của một tàu khác thông báo phát hiện ngư trường đang có nhiều cá. Xem lại vị trí một lần nữa trên máy định vị, thuyền trưởng Thành cho tàu tăng tốc. Khi tàu chúng tôi chạy tới nơi, một khung cảnh trên biển mà tôi nghĩ không khác gì một thành phố thu nhỏ về đêm. Ở ngư trường được thông báo có cá, đã có rất nhiều tàu đang khai thác, có tàu đến trước đang hồi hả thu lưới, tàu đến sau hơn thì lưới đang được vộ vĩa buông, vẫn có những tàu chưa tìm được đàn cá “ưng ý” cho mình và đang bám theo luồng cá... Một “thành phố trên biển” về đêm sáng rực những ánh đèn pha cùng tiếng reo hò của các thuyền viên, rất nhộn nhịp và đầy sức sống.

Máy dò ngang trên tàu chúng tôi vẫn chưa phát hiện được đàn cá nào lớn trong khi các tàu khác đã thu về rất nhiều cá, thuyền trưởng Thành tỏ ra sốt ruột! Đã gần 1 giờ nữa lại trôi qua, mắt vẫn dõi trên màn hình máy dò ngang, tôi bỗng thấy một vệt màu lớn xuất hiện, không nên được niềm vui tôi hô thật to: “Có cá, có cá”. Rất nhanh chóng, thuyền trưởng Thành lập tức bẻ lái sang trái và tăng tốc để tiếp cận đàn cá, mọi ánh mắt đều tập trung vào màn hình. Hòa cùng niềm vui với thuyền trưởng và thuyền viên trên tàu, bàn tay tôi liên tục thao tác trên máy để giúp họ thấy rõ hơn và không để lạc mất đàn cá.

Khoảng cách giữa tàu chúng tôi với đàn cá được rút ngắn, hình ảnh trên màn hình máy dò ngang cho chúng tôi biết đây là đàn cá khoảng 3 - 4 tấn. Dưới sự “chỉ huy” của thuyền trưởng, tất cả thuyền viên tập trung trước mạn tàu vào vị trí để chuẩn bị thả lưới. Thuyền thúng được thả xuống, đèn sáng rực một vùng để “dụ” cá về... Khi đã nhận định được vị trí, khoảng cách của đàn cá, hướng gió và hướng nước, lán át tiếng sóng gió, giọng thuyền trưởng Thành hô to ra lệnh bẻ lái cho tàu chạy sang hướng có cá và tăng tốc. Một tiếng hô lớn “Lưới!”, lập tức bên dưới thành tàu, những ngư dân liên tục quăng phao, chì và lưới... thả xuống bao trùm một vùng mặt nước biển. Lưới liên tục được bung ra! Lấy tâm điểm là thuyền thúng đang được một ngư dân chong đèn, tàu của chúng tôi vừa chạy vừa thả lưới

vòng tròn quanh đàn cá. Mất khoảng 10 phút để thả hết toàn khối lưới trên tàu cũng là lúc kết thúc vòng vây bủa cá, không ai nói với ai câu nào, mỗi người đều vào vị trí của mình để chuẩn bị thu lưới.

Máy tời được vào số, máy thu lưới được cẩu vào vị trí, việc thu lưới bắt đầu. Tất cả mọi việc được làm một cách nhanh chóng, gọn gàng và chính xác, dù đang là đêm trên biển! Vừa quan sát ngư dân làm việc, tôi vừa hỏi hộp quan sát màn hình máy dò để xem đàn cá có vào lưới hay không? Xác định đã vây được đàn cá lớn, thuyền trưởng Thành dùng lcom để chuyển sang tần số của tàu thu mua gần đó gọi sự trợ giúp thu lưới, đồng thời để bán cá. Đây là một hoạt động kinh doanh trên biển, rất thuận lợi cho những tàu đánh cá khơi xa. Lúc này, lưới đã được thu gần hết, nhìn xuống mặt nước, tôi thấy một đàn cá dày đặc đang nằm gọn trong lưới.

Từng vọt cá được cần cẩu trên tàu đưa lên, đổ vào các thau nhựa lớn, cá tràn ra cả thuyền, lấp

lánh trong ánh nắng ban mai trên biển. Lần lượt cả đàn cá nục khoảng 3 tấn cất lên từ biển, còn tươi roi rói được chuyển sang tàu thu mua. Mẻ lưới này tuy không nhiều nhưng cũng đủ động viên cho những ngư dân trong đêm đánh bắt đầu tiên của một chuyến biển. Việc mua - bán diễn ra nhanh, gọn. Có lẽ những người làm nghề đi biển đều đã quen cảnh “đầu sóng ngọn gió” nên đều có chung tính cách nhanh nhẹn, dứt khoát và rất thoải mái trong mọi việc.

Thu hết cá và lưới cũng là lúc mặt biển như được bao phủ một lớp dát vàng mới. Một ngày mới lại bắt đầu. Mọi người trên tàu đã đói và mệt sau một đêm đánh bắt. Chúng tôi vừa ăn uống vui vẻ, vừa trao đổi rút kinh nghiệm để rồi sau những giây phút nghỉ ngơi ngắn ngủi, những ngư dân lại chuẩn bị công việc cho mẻ lưới đêm tiếp theo ■

HỮU HẠNH

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Phú Yên



HÀNH TRÌNH

Đưa cây vải thiều về Lục Ngạn

Sau hơn 60 năm di thực về đất đồi Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, cây vải thiều đã gắn bó và trở thành niềm tự hào đối với người dân địa phương. Đây không chỉ là cây ăn quả chủ lực cho giá trị kinh tế cao mà còn là cây trồng giúp huyện Lục Ngạn trở nên nổi tiếng khắp trong và ngoài nước.

Là huyện miền núi nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Bắc Giang, cách thủ đô Hà Nội khoảng 90 km, huyện Lục Ngạn có diện tích rộng, chủ yếu là đồi, núi. Những năm 1950 của thế kỷ trước, khi đó, huyện Lục Ngạn còn nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí thấp. Người dân chủ yếu sinh sống bằng nghề làm nông - lâm nghiệp: gieo cấy lúa, trồng khoai, sắn, đỗ tương... và trồng rừng.

Cũng giống như nhiều hộ dân khác trong huyện, gia đình ông Nguyễn Đức Trụ, thôn Thủ Dương, xã Nam Dương có quê gốc thuộc tỉnh Hải Dương. Năm 1953, khi rời quê cũ lên Lục Ngạn lập nghiệp, ông Trụ đã mang theo hạt vải thiều từ Hải Dương về quê mới trồng với mục đích chính là lưu giữ kỷ niệm. Đây được coi là một những hộ dân đầu tiên di thực cây vải thiều về Lục Ngạn. Khi mới trồng, gia đình ông Trụ cũng không nghĩ rằng cây vải thiều lại có thể phát triển xanh tốt và cho chất lượng quả thơm ngon trên vùng đất cằn khô sỏi đá này. Trải qua quá trình chăm sóc gần chục năm, đất cũng chẳng phụ công người, cây vải thiều đã vươn lên sống mạnh mẽ, trổ lộc, sinh cành và đơm hoa kết trái. Từ đây, một giống cây ăn quả mới đã được ghi

danh trên mảnh đất Lục Ngạn - cây vải thiều. Từ những cây vải đầu tiên đó, việc nhân giống và mở rộng diện tích trồng vải thiều tự phát tại một số xã vùng thấp trong huyện như Trù Hựu, Nghĩa Hồ, Quý Sơn, Nam Dương và thị trấn Chũ đã được hình thành. Tuy nhiên thời kỳ này, cây vải thiều ở Lục Ngạn chưa được người dân quan tâm chăm sóc nên giá trị kinh tế chưa cao.

Theo số liệu thống kê, đến năm 1986, huyện Lục Ngạn mới có tổng số 92 ha cây ăn quả các loại, trong đó có 42 ha vải thiều, sản lượng ước đạt 100 tấn. Đến những năm 1990, khi quả vải thiều thực sự đã trở thành sản phẩm hàng hóa cho giá trị kinh tế cao và huyện Lục Ngạn có chủ trương phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thì phong trào trồng cây vải thiều mới được nhân dân ở các xã, thị trấn thực hiện hiệu quả.

Nhận thấy đây là cây trồng có thể giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập nên các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện xuống cơ sở đã tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân mở rộng diện tích trồng vải thiều. Theo đó, phong trào trồng vải thiều từ các xã vùng thấp đến 12 xã vùng cao phát triển nở rộ. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn huyện đã tạo điều kiện cho nhân dân vay hàng trăm tỷ đồng vốn đầu tư vào cây giống cùng vật tư phân bón... nên chỉ trong thời gian ngắn, huyện Lục Ngạn đã “biến” hàng chục nghìn héc-ta đất trống, đồi núi trọc cần khô sỏi đá xưa kia thành miệt vườn vải thiều xanh non trù phú. Tính đến năm 2000, huyện đã có hơn 22.000 ha cây ăn quả các loại, trong đó có 19.000 ha vải thiều. Từ lâu, huyện Lục Ngạn đã được mệnh danh là “Vương quốc vải thiều”, hay “Kinh đô vải thiều” của cả nước.

Cùng với việc tuyên truyền đẩy mạnh phát triển diện tích, các cấp, các ngành còn đặc biệt quan tâm đến việc giúp nhân dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ sự vào cuộc tích cực của các nhà khoa học từ Trung ương đến địa phương, cộng với kinh nghiệm chăm sóc cây vải thiều được đúc kết trong thực tiễn lao động, người dân Lục Ngạn đã thực hiện rất hiệu quả các kỹ thuật như: hạn chế cây vải thiều ra quả cách năm bằng việc bón phân khoa học, đúng thời điểm; sử dụng các biện pháp tia canh, tạo tán, khoanh canh; thực hiện phòng trừ sâu bệnh hiệu quả, đặc biệt là trị sâu đục cuống quả vải, giúp cho chất lượng quả vải thiều ở Lục Ngạn được nâng cao.

Có lẽ hội tụ đủ các yếu tố: điều kiện đất đai, khí hậu mang đặc trưng riêng; sự quan tâm đặc biệt của cấp ủy Đảng, chính quyền và các nhà khoa học; cộng với sự cần cù, thông minh, sáng tạo của nhân dân trong sản xuất nên chất lượng quả vải

thiều Lục Ngạn mới thơm ngon đặc biệt đến thế. Thương hiệu vải thiều Lục Ngạn ngày càng nổi tiếng và được khách hàng ở trong, ngoài nước tin dùng, ưa chuộng. Năm 2005, vải thiều Lục Ngạn đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp văn bằng bảo vệ độc quyền sở hữu công nghệ đối với nhãn hiệu hàng hoá tập thể “Vải thiều Lục Ngạn”. Vải thiều Lục Ngạn còn được tôn vinh ở các hội chợ trong nước và được người tiêu dùng bình chọn là sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu của cả nước. Thực tế, sản xuất vải thiều đã mang về cho người dân Lục Ngạn hàng trăm tỷ đồng/năm.

Tuy nhiên, việc phát triển diện tích vải thiều nhanh ở Lục Ngạn cũng không tránh khỏi một số vùng diện tích vải thiều ở trên đồi cao hoặc ở vùng trũng cây phát triển kém, cho chất lượng và giá trị quả không cao. Để tập trung nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và giá trị của sản phẩm vải thiều, những năm gần đây, huyện ủy - UBND huyện đã tăng cường chỉ đạo cơ quan chuyên môn, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăm sóc, đồng thời đẩy mạnh mở rộng diện tích sản xuất vải thiều sạch an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Cùng với đó là việc cơ cấu lại vùng cây ăn quả phù hợp. Theo đó, một phần diện tích vải thiều ở trên đồi cao đã được nhân dân trồng thay thế bằng rừng kinh tế; một số diện tích vải thiều ở vùng trũng thấp cũng đã được chuyển đổi sang trồng nhãn lồng và các loại cây ăn quả có múi cho giá trị kinh tế cao như cam đường Canh, bưởi Diễn, cam Vinh... Đến nay, huyện Lục Ngạn có hơn 22.000 ha cây ăn quả, trong đó diện tích vải thiều còn 17.500 ha và đã có 9.500 ha vải thiều được người dân sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Nhờ đẩy mạnh sản xuất vải thiều chất lượng nên giá trị sản phẩm không ngừng được nâng cao. Trong ba năm gần đây, nguồn thu từ vải thiều luôn đạt trên 1.000 tỷ đồng. Năm 2014, sản lượng vải thiều của Lục Ngạn đạt 130.000 tấn, cho giá trị đạt 1.625 tỷ đồng. Như vậy, từ vùng đất nghèo đói xưa kia, nhờ phát triển cây ăn quả, đặc biệt là vải thiều mà bộ mặt nông thôn mới ngày càng khởi sắc.

Có thể thấy, sự phát triển nhanh chóng vùng cây ăn quả Lục Ngạn đã tác động làm thay đổi cơ cấu trong nông nghiệp và các thành phần kinh tế nông thôn; mô hình kinh tế trang trại phát triển mạnh mẽ; huyện có đến 4.486 hộ dân có thu nhập từ 100 đến trên 500 triệu đồng/năm từ vải thiều, trong đó 83 hộ có mức thu từ 300 - 500 triệu đồng/năm. Hiện cây vải thiều vẫn được xác định là cây thế mạnh chủ lực trong tập đoàn cây ăn quả của địa phương ■

ĐỨC THỌ

Đài Truyền thanh Lục Ngạn - Bắc Giang

Quảng Ngãi: NHIỀU NÔNG DÂN THOÁT NGHÈO TỪ CHĂN NUÔI BÒ SINH SẢN

Trong những năm gần đây, phong trào chăn nuôi bò sinh sản ở xã Phổ Hòa, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi ngày càng phát triển, góp phần tạo việc làm và mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho nhiều hộ dân.

Ông Võ Thanh - Chủ tịch Hội Nông dân xã Phổ Hòa cho biết: "Với trên 75% số hộ dân trong xã chăn nuôi bò nên đàn bò của cả xã hiện có 1.900 con, trong đó bò lai sinh sản chiếm khoảng 70% tổng đàn. Do giá bò luôn ổn định ở mức cao nên hầu hết người chăn nuôi bò đều có lãi, bình quân thu nhập 30 - 40 triệu đồng/hộ/năm, có hộ thu nhập trên 100 triệu đồng/năm và nhiều hộ thoát nghèo nhờ nuôi bò".

Trước đây, gia đình bà Lê Thị Ba ở thôn Hòa Thịnh thuộc diện hộ nghèo của xã, bà không dám vay tiền để làm ăn vì sợ không thể trả nợ. Ông Lê Minh Châu - Chi hội trưởng nông dân thôn Hòa Thịnh đã đứng ra bảo lãnh để bà Ba được vay 10 triệu đồng mua 1 con bò cái sinh sản. Sau 1 năm, thấy có hiệu quả, bà Ba lại vay tiếp 8 triệu đồng để mua thêm con bò cái sinh sản thứ hai. Từ 2 con bò này, nhờ chăm sóc tốt nên chỉ sau 2 năm đã sinh được 2 bê con. Cuối năm 2014, bà Ba bán 1 bê con được gần 16 triệu đồng, đủ trả nợ ngân hàng. Hiện tại trong chuồng của gia đình bà có 3 bò cái sinh sản, các bò giống đều sinh sản ổn định mỗi năm 1 con, đến cuối năm nay bà lại có thêm 2 bê con nữa.



Còn gia đình bà Đỗ Thị Nể ở thôn Hiền Văn hiện tại nuôi 3 bò cái sinh sản và 2 bò đực, tận dụng quỹ đất vườn cộng với nguồn phụ phẩm nông nghiệp, cô trồng được nên nguồn thức ăn cho bò được đảm bảo. Theo bà Nể tính toán, mỗi bò cái sinh sản nếu chọn giống tốt và chăm sóc đầy đủ thì mỗi năm sẽ cho ra một bê con, mỗi bê con sau khi đẻ được 6 - 7 tháng tuổi với giá bán như hiện nay có thể thu được 15 - 17 triệu đồng. Như vậy, nuôi từ 3 - 4 bò cái sinh sản thì mỗi năm sau khi trừ chi phí gia đình bà thu lãi từ 35 - 40 triệu đồng. Nhờ đó, bà có điều kiện trang trải trong cuộc sống. Không những thế, nguồn phân bò còn được tận dụng để bón cho lúa, sắn và vườn cỏ, các loại cây trồng của gia đình bà đều phát triển tốt, cho năng suất cao và thu nhập ổn định.

Ông Võ Thanh - Chủ tịch Hội Nông dân xã Phổ Hòa cho biết

thêm: "Năm 2014, xã Phổ Hòa đã thành lập Tổ hợp tác Chăn nuôi bò với 30 nông dân nuôi bò tham gia. Đây là mô hình liên kết nhằm giúp nông dân nuôi bò trao đổi chia sẻ kinh nghiệm trong chăn nuôi và mua, bán bò hiệu quả hơn. Trong thời gian tới, xã Phổ Hòa sẽ tiếp tục vận động nhân dân mở rộng quy mô chăn nuôi, đồng thời phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật để bà con áp dụng vào chăn nuôi đạt hiệu quả. Đồng thời, thông qua Tổ hợp tác còn tạo điều kiện giúp các hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư chăn nuôi bò, nhằm tạo việc làm và vươn lên thoát nghèo, từng bước hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo và tăng thu nhập cho người dân theo tiêu chí nông thôn mới" ■

LỆ QUYÊN

Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi

Điện Biên:

TRỒNG ĐẬU TƯƠNG TRÊN ĐẤT LÚA MỘT VỤ

Mô hình trình diễn canh tác 17,5 ha đậu tương vụ đông xuân trên đất lúa một vụ tại các bản Háng Trọ A, B, C - xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên do Trạm Khuyến nông Khuyến ngư (KNKN) huyện Điện Biên Đông cùng 51 hộ dân trên địa bàn thực hiện đạt kết quả ngoài mong đợi.

Để ổn định và nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn, những năm gần đây, UBND huyện Điện Biên Đông chỉ đạo các cơ quan chức năng đẩy mạnh hướng dẫn nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa những giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao đến với bà con nông dân. Qua đó, giúp nông dân chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, góp phần quan trọng đẩy nhanh công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Bằng nguồn vốn Nghị quyết 30a/CP và vốn sự nghiệp nông nghiệp, Trạm KNKN huyện triển khai mô hình trồng cây đậu tương, loại giống DT 84 trên đất lúa một vụ thuộc các bản: Háng Trọ A, B, C - xã Pú Nhi - huyện Điện Biên Đông. 51 hộ tham gia mô hình được Nhà nước hỗ trợ 100% giống, phân bón và được hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Người dân tận dụng được diện tích đất bỏ hoang trên chân ruộng lúa 1 vụ (tổng diện tích lúa 1 vụ trên địa bàn bản Háng Trọ A, B, C là 42,3 ha); tận dụng lượng phân hữu cơ sẵn có tại địa phương...

Theo đánh giá của ông Lò Văn Thịnh - Phó Chủ tịch xã Pú Nhi cho biết, với phương châm "cầm tay chỉ việc", các lớp tập huấn kỹ thuật được thực hiện ngay tại ruộng từ cách làm đất, gieo hạt, bón phân, làm cỏ đều được cán bộ kỹ thuật trực tiếp làm mẫu. Ngoài ra, việc kiểm tra đồng ruộng, áp dụng đúng quy trình kỹ thuật được tiến hành thường xuyên.

Cán bộ kỹ thuật Trạm KNKN hướng dẫn nông dân cách phát hiện và phòng trừ sâu bệnh: sâu ăn lá, rầy xanh, rệp... Đặc biệt, phòng trừ sâu bệnh trong thời kỳ đậu tương chuẩn bị ra hoa và ra quả. Do thời tiết vụ đông xuân 2014 - 2015 diễn biến phức tạp, thời gian rét kéo dài, nên tới trung tuần tháng 2/2015, cán bộ kỹ thuật Dự án mới hướng dẫn các hộ tham gia mô hình gieo hạt. Do làm tốt công tác chuẩn bị đất gieo trồng và thời tiết thuận lợi, sau 5 - 7 ngày gieo, tỷ lệ nảy mầm trung bình đạt 90 - 95% diện tích canh tác. Sau thời gian sinh trưởng 90 ngày, đậu tương cho thu hoạch, năng suất trung bình đạt 1,7 tấn/ha. Với giá bán hiện nay



Anh Mùa A Súa - bản Háng Trọ A, xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông trồng 3.000 m² đậu tương, cho thu hoạch 5 tạ/vụ

khoảng 15.000 đồng/kg, trung bình một héc ta trồng đậu tương sẽ cho thu về khoảng 25,5 triệu đồng, trừ các loại chi phí nông dân có lãi khoảng 9 triệu đồng/ha.

Ông Nguyễn Thanh Lâm - Trưởng Trạm KNKN huyện Điện Biên Đông cho biết, thông qua mô hình, hầu hết người dân trong bản nhận thấy canh tác đậu tương không khó, hiệu quả kinh tế cao hơn trồng một số loại cây khác như ngô, khoai. Bên cạnh đó, trồng đậu tương giúp đất thêm màu mỡ, vụ sau trồng cây gì cũng cho năng suất cao hơn, do vậy, nhiều hộ đã giữ giống cho vụ đông xuân sau.

Ngoài hiệu quả kinh tế, Dự án đã giúp bà con nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho đậu tương, nắm bắt kỹ thuật bón phân cân đối giữa các loại phân chuồng, phân lân, phân kali, bón đúng, bón đủ; người dân có thêm kiến thức về kỹ thuật tỉa bớt cây, xới xáo cho đất tơi xốp tạo đà cho rễ phát triển nhanh và vun luống cao giúp cây chống đổ khi có mưa lớn... Từ đó, giúp nông dân đổi mới nhận thức về cơ cấu mùa vụ, loại bỏ những cây kém chất lượng, tạo ra giống thuần chủng, chủ động giữ giống cho vụ sau.

Bên cạnh đó, thâm canh đậu tương giúp cho đất được cải tạo, tăng thêm nguồn phân hữu cơ cho đất. Thành công từ mô hình đã góp phần quan trọng đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương ■

HOÀNG KHẮC TÂN

Trung tâm Khuyến nông Điện Biên

Hà Giang: Huyện Xín Mần *đẩy mạnh phát triển* chăn nuôi gia súc hàng hóa

Xín Mần là huyện miền núi phía Tây của tỉnh Hà Giang và cũng là một trong 6 huyện nghèo của tỉnh được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Trong những năm qua, huyện Xín Mần đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát triển đàn gia súc hàng hóa gắn với mở rộng diện tích trồng cỏ nhằm không ngừng nâng cao thu nhập, góp phần xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống cho người nông dân.

Theo báo cáo của Ủy ban Nhân dân huyện Xín Mần, tính đến thời điểm cuối tháng 6/2015, toàn huyện Xín Mần đã có 16.400 con trâu (tăng 580 con so với cùng kỳ năm trước), đàn bò 8.100 con, đàn ngựa 1.200 con và khoảng trên 7.500 con dê...

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đẩy mạnh phát triển đàn gia súc hàng hóa, trong những năm qua, huyện Xín Mần đã tập trung vận động nhân dân tận dụng những khoảng đất đồi, đất ven đường đi, chuyển đổi những diện tích đất trồng màu kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi. Vì vậy diện tích trồng cỏ của huyện Xín Mần không ngừng được tăng lên. Tính đến cuối tháng 6/2015, diện tích trồng cỏ của toàn huyện Xín Mần đạt trên 2.050 ha, trong đó diện tích trồng mới 6 tháng đầu năm 2015 là 180 ha. Các giống cỏ được trồng mới có năng suất cao và chất lượng tốt như cỏ Goatamela, cỏ VA 06 và cỏ voi. Hiện nay, các xã Nám Dẩn, Thu Tà, Bán Ngò, Bán Díu, Nà Trì... là những xã có phong trào nổi bật

thực hiện chủ trương đẩy mạnh phát triển đàn gia súc hàng hóa gắn với mở rộng diện tích trồng cỏ của huyện Xín Mần.

Trong những năm qua, chủ trương đẩy mạnh phát triển đàn gia súc hàng hoá gắn với mở rộng diện tích trồng cỏ của huyện Xín Mần không những tạo việc làm mà còn tạo ra một nguồn thu nhập lớn cho hàng trăm hộ gia đình trên địa bàn của huyện. Nhờ có phát triển đàn gia súc hàng hoá mà nhiều gia đình trên địa bàn huyện Xín Mần đã thoát nghèo bền vững và từng bước có nguồn tích lũy từ chăn nuôi gia súc mang lại.

Ông Cháng Văn Kinh - xã Bán Díu, huyện Xín Mần cho biết, trước kia gia đình ông chỉ cấy lúa và trồng ngô, năm nào cũng bị đói vào những lúc giáp hạt, là một trong những hộ nghèo của xã. Nhờ chủ trương của huyện vận động và cho vay vốn được hỗ trợ

lãi suất để chăn nuôi và trồng cỏ mà gia đình ông không những đủ ăn, không bị đói khi giáp hạt mà còn mua được tivi, xe máy cùng nhiều đồ dùng gia đình khác. ngoài ra, còn có nguồn vốn tích lũy để tiếp tục mở rộng thêm quy mô chăn nuôi bò và dê tăng thu nhập cho gia đình.

Ông Bùi Minh Hiệu - Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Xín Mần cho biết, đẩy mạnh phát triển đàn gia súc hàng hóa gắn với mở rộng diện tích trồng cỏ là chủ trương lớn của huyện Xín Mần. Đây cũng chính là mục tiêu phát triển kinh tế của huyện Xín Mần trong những năm tới nhằm nâng cao thu nhập cho bà con nông dân; góp phần đẩy mạnh công cuộc xoá đói, giảm nghèo đối với người dân trên địa bàn huyện.

PHẠM VĂN PHÚ

Chi cục BVTV tỉnh Hà Giang



Bà con nông dân huyện Xín Mần trồng cỏ để phát triển chăn nuôi gia súc

Quảng Bình:

CƠ GIỚI HÓA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIẢI PHÁP XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



Bà con nông dân huyện Bố Trạch áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất vụ hè thu 2015

Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM), việc đưa cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp là một trong những nội dung mang tính quyết định để thực hiện thành công các tiêu chí nâng cao chất lượng hàng hóa và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường, giảm chi phí, tăng thu nhập cho người nông dân. Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hoá vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khâu làm đất, thu hoạch và chế biến nông sản, đưa năng suất, sản lượng các loại cây trồng, đặc biệt là cây lúa tăng mạnh và bền vững.

Ngay từ khi triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, quá trình cơ giới hóa trên địa bàn tỉnh diễn ra nhanh chóng nhờ chủ trương của tỉnh hỗ trợ lãi suất, vốn vay để người dân mua máy móc phục vụ sản xuất nông

nghiệp. Bên cạnh đó, hàng loạt các điều kiện thuận lợi khác như việc triển khai thí điểm chương trình dồn điền đổi thửa giúp khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún, phân tán hình thành các mảnh lớn liền kề thuận lợi cho việc đưa máy móc vào sản xuất; hệ thống bờ vùng, bờ thửa từng bước được củng cố, đắp mới bảo đảm đủ rộng cho các loại máy đi lại dễ dàng.

Theo số liệu của ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Bình, ba khâu mất nhiều thời gian và công sức trong nghề trồng lúa là làm đất, thu hoạch và vận chuyển đã được cơ giới hóa với kết quả khá cao, tỷ lệ tương ứng là 90%, 60% và 65%. Riêng một số xã có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại hai huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh đã đạt tỷ lệ 100% khâu làm đất, 90% khâu thu hoạch và 100% khâu vận chuyển đã có máy móc làm thay. Điều đó cho thấy, vai

trò rất quan trọng của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Ngoài ra, tỷ lệ cơ giới hóa trong chăn nuôi ở các khâu cung cấp nước uống, vệ sinh chuồng trại cho lợn đạt trên 70%.

Việc đẩy nhanh cơ giới hoá nông nghiệp không chỉ giúp giảm chi phí sản xuất mà còn góp phần đẩy nhanh tiến độ gắn kết mùa vụ, khắc phục tình trạng thiếu lao động lúc cao điểm đang diễn ra khá phổ biến ở nông thôn các địa phương hiện nay. Sức cày kéo, vận chuyển thủ công giảm đáng kể, thay vào đó là số máy cày, máy làm đất, xe vận tải nhỏ tăng nhanh, với các dịch vụ này, các địa phương không chỉ giải quyết bài toán thiếu nguồn nhân lực mà còn rút ngắn thời gian thu hoạch, giúp bà con tranh thủ được thời tiết để phơi lúa ngay trong ngày. Theo tính toán của người nông dân, mỗi sào ruộng thuê làm đất và gặt bằng máy là hai khâu nặng nhọc nhất, chỉ mất khoảng 250.000 đồng lại nhanh, gọn, vụ mùa không kéo dài như cày trâu và gặt bằng tay trước đây, rút ngắn được thời gian làm ruộng. Ngoài ra trong khâu thu hoạch nếu thực hiện thủ công sẽ không đảm bảo chất lượng hạt gạo và khó đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ chất lượng cao. Điều này ảnh hưởng đến giá bán, thu nhập của người trồng lúa, thương hiệu hạt gạo vì thế cũng bị giảm đi, trong khi thu hoạch bằng máy giúp giảm từ 10 - 12% tỷ lệ thất thoát lúa, nông dân sẽ lãi nhiều hơn.

Huyện Quảng Ninh là địa phương có tốc độ cơ giới hóa trong nông nghiệp khá cao với 85% khâu làm đất và gần 90% diện tích thu hoạch được thực hiện bằng cơ giới hóa. Chúng tôi đến xã Duy Ninh, một trong những xã đi đầu trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất của huyện để tìm hiểu về vấn đề này. Ông Lê Văn Thuyết - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã cho biết: Toàn xã có 12 máy cày lồng, 17 máy chuyên lồng và 6 máy gặt đập liên hợp với tổng giá trị gần 2 tỉ đồng. Đến nay, hơn 95% diện tích lúa (393,13 ha) của xã được thu hoạch bằng máy gặt đập.

Đồng hành cùng bà con nông dân các địa phương thực hiện xây dựng NTM, trong thời gian qua, tranh thủ nguồn vốn các

chương trình, dự án, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Bình đã cùng các đơn vị trong ngành thực hiện 15 mô hình trình diễn máy làm đất, máy gặt đập liên hợp, máy sấy lúa... tổ chức nhiều lớp tập huấn về kiến thức cơ giới hóa, hỗ trợ kinh phí cho nông dân các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Bố Trạch và các địa phương khác mua 12 máy gặt đập liên hợp, máy cày, máy làm đất loại nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp ở Quảng Bình còn thấp, chủ yếu trong trồng lúa và tập trung ở các khâu làm đất, tưới tiêu, tuốt đập, vận chuyển và xay sát. Một số khâu như gieo, cấy, sấy, phân

loại và làm sạch lúa... tỷ lệ cơ giới hóa thấp, vẫn còn làm thủ công nhiều.

Những hiệu quả bước đầu trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua đã khẳng định sự cần thiết phải đẩy nhanh tiến trình cơ giới hóa trên phạm vi toàn tỉnh. Đặc biệt, việc phát triển cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây trồng vật nuôi đến bảo quản chế biến sản phẩm giúp tăng thu nhập cho người nông dân, đưa nông nghiệp tiến lên hiện đại hóa là một giải pháp quan trọng góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. ■

VÕ ĐẠI CHUNG

*Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư
Quảng Bình*

Điện Biên: TRIỆU PHÚ VACR MIỀN TÂY BẮC

Trong một chuyến công tác, chúng tôi đã đi thực tế tới một trang trại trong cơn mưa buổi sáng vào một ngày đầu tháng 6. Dọc theo con đường mới mở cách trục đường quốc lộ 12 chừng gần 2 km, hình ảnh đầu tiên hiện ra trước mắt chúng tôi đó là màu xanh của rừng luống, của vườn cây ăn trái trĩu quả chuẩn bị thu hoạch và những ao cá rộng hàng chục ngàn mét vuông, tiếp nữa là khu rừng khoanh nuôi bảo vệ chừng vài chục héc-ta. Đó chính là trang trại của ông Lò Văn Miên ở bản Na Ten, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên.

Trước năm 2000, cuộc sống của bà con dân tộc Thái ở xã Hua Thanh rất nghèo khó, người dân không có vốn sản xuất, không được tư vấn khoa học kỹ thuật do vậy cái đói, cái nghèo cứ dai dẳng đeo bám. Do vậy, ông Lò Văn Miên luôn mơ ước



Ông Lò Văn Miên bên vườn bưởi của gia đình



Ao cá nằm giữa khe của đồi rừng và vườn đồi cây ăn quả của gia đình ông cho thu nhập 150 triệu đồng/năm

làm sao có một nghề để thoát khỏi cảnh nghèo đói và làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương mình, nơi ông đã gắn bó từ thửa ấu thơ. Với bản tính ham học hỏi, quyết chí làm giàu, ông đã không dừng lại trước những khó khăn của cuộc sống, sau bao nhiêu đêm trăn trở ông đã hiểu ra một điều: “Con đường duy nhất để vươn lên làm giàu trước hết là phải học hỏi”.

Sau khi tìm hiểu các phương thức làm ăn mới và qua các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt chương trình nông nghiệp nông thôn trên Đài Tiếng nói Việt Nam, ông đã có hướng đi riêng cho mình. Bằng số tiền ít ỏi tích cóp được sau nhiều năm làm mướn và chăn nuôi trồng trọt, vay mượn thêm anh em bạn bè và vốn của ngân hàng chính sách dành cho hộ nghèo, ông và gia đình đã mạnh dạn cùng nhau bắt tay xây dựng trang trại. Bước đầu, ông bỏ ra trên 50 triệu đồng mở con đường từ quốc lộ 12 vào đến trang trại.

Từ các chương trình dự án của huyện và tổ chức phi chính phủ tài trợ, ông đăng ký xin đi tham quan một số mô hình điển hình VAC tại Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hà Nội. Trở về nhà, ông bàn với vợ đầu tư trồng 500 cây cam Vinh, 200 cây chanh lai mua từ Viện Nghiên cứu Rau Quả (Hà Nội). Sau đó, ông thiết kế, hạ bệ các quả đồi theo đường đồng mức quanh sườn đồi hạn chế xói mòn, thuận tiện cho việc chăm sóc, thiết kế đường dẫn nước từ khe sâu về trang trại để cung cấp nước tưới và nước sinh hoạt dài gần 2 km, đầu tư phân bón và tận dụng nguồn phân hữu cơ có sẵn.

Ban đầu, do còn thiếu kinh nghiệm nên hiệu quả chưa được tốt nhưng ông không bỏ cuộc mà vẫn kiên trì học hỏi kỹ thuật qua sách, báo, đài, đồng thời ông còn gặp các cán bộ khuyến nông huyện, tỉnh để được hướng dẫn về kỹ thuật chăm sóc và

cách phòng trị sâu bệnh thường gặp. Hiện tại, vườn cây ăn quả của ông với hơn 3.500 gốc cam, bưởi và 200 gốc na, 100 gốc chuối, ngoài ra còn trồng ổi xen cam để chống bệnh vàng lá hại cam. Thu nhập hàng năm về cây ăn quả khoảng 300 triệu đồng/năm.

Ngoài thu nhập từ vườn cây ăn quả, ông còn nhận với Ủy ban Nhân dân xã Hua Thanh khoán nuôi bảo vệ gần 50 ha đồi rừng, trồng chủ yếu các loại cây lấy gỗ có giá trị kinh tế như luồng, tre, keo tai tượng, bạch đàn... Hàng năm ông nhận được tiền từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và bán gỗ đã cho thu hoạch khoảng 50 triệu đồng.

Ông còn tận dụng nguồn nước khe, ngăn nước, be bờ được 5 ao nuôi các loại cá rô phi, trôi, trắm, mè với quy mô 1,2 ha, cho thu nhập 150 triệu đồng/năm.

Ông cũng xây dựng 2 chuồng trại lợn rừng theo hình thức thả rông. Trải qua hình thức lai tạo, đến nay ông đã có hàng trăm con lợn rừng vừa giúp cải thiện đời sống, vừa bán cho các hộ dân trong bản và các xã lân cận trong huyện, cho thu nhập hàng trăm triệu đồng.

Có nguồn thu từ trang trại, kinh tế gia đình của ông ngày càng ổn định. Ông Miên đã xây dựng được ngôi nhà sàn gỗ khang trang hơn với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Ngoài ra, trang trại của ông còn tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động trong thôn bản. Trang trại cũng là nơi tham quan học tập của nhiều nông dân đến từ các xã, huyện trong tỉnh và nước bạn Lào. Với những thành tích đó ông nhận được nhiều giấy khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh, Hội Nông dân và Ủy ban Nhân dân huyện Điện Biên. Ông Miên xứng đáng là tấm gương sáng về nghị lực vượt khó làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương ■

HÒANG KHẮC TÂN

Trung tâm Khuyến nông Điện Biên

Bà Rịa Vũng Tàu: THU NHẬP CAO TỪ NUÔI ÉCH TRONG BỂ



Gia đình anh Bài thường xuyên thay nước và phân loại đàn ếch

Sau buổi tập huấn chuyển giao kỹ thuật nuôi ếch thương phẩm tại xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 23/6/2015 vừa qua, chúng tôi có dịp tham quan mô hình nuôi ếch trong bể của hộ anh Ngô Văn Bài, tổ 14, ấp Hưng Long.

Anh Bài cho biết: “Được cán bộ địa phương thông báo có lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi ếch thịt tại địa phương, tôi đã tạm gác công việc thường nhật để tham gia lớp tập huấn với mong muốn học hỏi thêm kỹ thuật nuôi ếch trong bể. Đúng là không bỏ phí một buổi đi làm, có tập huấn mới biết thêm nhiều điều bổ ích giúp cho việc nuôi ếch hiệu quả hơn...”.

Đầu tháng 4 năm 2015, gia đình anh mua 4.000 con ếch giống (chia làm 3 đợt) mang về thả nuôi trong 3 bể xây, với mục đích tăng thêm thu nhập cho gia

đình. Đến nay, sau 2,5 tháng nuôi, số ếch thả đợt đầu đã được xuất bán. Khi được chúng tôi hỏi về tính hiệu quả của mô hình, anh Bài cho biết, lúc đầu anh cũng chỉ nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài, ti-vi nói về mô hình nuôi ếch trong bể, sau đó tìm hiểu thêm trên mạng internet, rồi đi mua con giống về nuôi và được chủ trại giống hướng dẫn thêm. Anh phần khởi chia sẻ: “Không ngờ ếch lớn nhanh và tương đối dễ nuôi”. Từ khi thả nuôi đến nay, tỷ lệ con giống hao hụt khoảng 15%, số ếch mua về anh thả đều vào 3 bể (mỗi bể rộng 6 m²), cho ếch ăn thức ăn công nghiệp của cá. Trong quá trình nuôi, anh thường xuyên tách những con ếch lớn, ếch nhỏ riêng để chúng khỏi ăn thịt lẫn nhau, đồng thời thường xuyên thay nước trong bể nuôi ếch. Hiện nay anh đang bán ếch thịt khoảng 5 -

6 con/kg với giá 65.000đồng/kg. Theo ước tính của anh, sau khi trừ chi phí mỗi ki-lô-gam ếch cho lãi trên 40.000 đồng. Như vậy, với 4.000 con ếch giống thả nuôi, sau khoảng 3 tháng anh sẽ thu được khoảng 550 kg ếch thịt. Với giá ếch thương phẩm hiện nay, sau khi trừ chi phí gia đình anh thu lãi hơn 20 triệu đồng.

Hiện nay, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bà Rịa Vũng Tàu đang triển khai tập huấn chuyển giao kỹ thuật nuôi ếch trong bể nhằm nhân rộng cho các nông hộ có nhu cầu nuôi, hoặc chuyển đổi từ các mô hình chăn nuôi kém hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống cho bà con nông dân■

ĐOÀN VĂN NAM

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư
Bà Rịa Vũng Tàu



Bạc Liêu: HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH NUÔI GÀ TRÊN ĐỆM LÓT SINH HỌC Ở PHƯỚC LONG

Trong những năm gần đây, phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi được đẩy mạnh. Từ phong trào này, ở nhiều vùng quê trên khắp cả nước đã xuất hiện nhiều tấm gương điển hình về phát triển kinh tế. Gia đình anh Lê Văn Sỹ ở ấp Mỹ Hòa, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu là một tấm gương như thế khi đã vượt khó vươn lên làm giàu từ hai bàn tay trắng.

Những ngày đầu mới lập nghiệp, anh chị chỉ trông vào 2 công ruộng và chăn nuôi nhỏ lẻ. Do thiếu kinh nghiệm sản xuất, dù làm thêm nhiều nghề phụ nhưng cuộc sống vẫn khó khăn, thu nhập eo hẹp. Quyết tâm thoát khỏi cảnh đói nghèo, cộng với sức trẻ, vợ chồng anh bàn với nhau phải đầu tư phát triển kinh tế. Trần trở nhiều đêm, anh Sỹ nhận thấy gia đình mình có diện tích đất vườn rộng cùng với kinh nghiệm chăn nuôi truyền thống của gia đình, lại được chứng thực một số mô hình chăn nuôi hiệu quả trên truyền hình, anh bàn với vợ dùng số vốn ít ỏi dành dụm được để chăn nuôi gà. Lúc đầu, do kinh nghiệm chăn nuôi chưa nhiều, lại chưa chú trọng khâu phòng chống dịch bệnh nên lứa gà mới nuôi của gia đình anh mắc bệnh rồi chết. Không

nản chí, anh quyết tâm gây dựng lại để tiếp tục phát triển chăn nuôi. Anh tích cực tham gia các lớp tập huấn do cán bộ khuyến nông và trạm thú y tổ chức về chăn nuôi, tham khảo thêm ở sách, báo, đài, ti-vi và kinh nghiệm từ những hộ chăn nuôi trong xã. Đến cuối năm 2013, anh bàn với vợ đầu tư xây dựng lại chuồng trại để chăn nuôi gà thịt trên nền đệm lót sinh học với quy mô 500 con/lứa. Sau thời gian gần 3 tháng nuôi, gia đình anh thu lãi khoảng 14,5 triệu đồng từ đàn gà.

Từ thành công bước đầu, năm 2014, anh quyết định mở rộng thêm chuồng trại chăn nuôi gà thịt, với quy mô 1.000 con/lứa. Sau thời gian gần 3 tháng nuôi, gà có trọng lượng bình quân 1,3 kg/con, với giá 65.000 - 70.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí cũng cho thu lãi hơn 35 triệu đồng. Với đầu ra thuận lợi, anh Sỹ tiếp tục tái đàn tăng quy mô lên 3.000 con. Khi được hỏi về kinh nghiệm nuôi gà, anh Sỹ chia sẻ: “Gia đình tôi nuôi gà nhiều năm nay, đã từng gặp thất bại, thiệt hại về kinh tế tương đối lớn. Những kinh nghiệm mà tôi tích lũy được trong quá trình chăn nuôi, cộng với việc tham gia các lớp tập huấn về chăn nuôi đã giúp tôi tiếp cận với tiến bộ kỹ thuật, áp dụng vào chăn nuôi nên đạt hiệu quả cao. Ngoài việc mua con giống ở cơ sở có uy tín, đáng tin cậy thì người chăn nuôi cần nắm vững và làm tốt quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà, đồng thời công tác tiêm phòng dịch bệnh phải đầy đủ thì đàn gà mới phát triển khỏe mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao”.

Hiện tại anh Sỹ xây dựng được 5 trại gà, mỗi trại có thể nuôi được 600 con và đàn gà phát triển tốt. Có thể nói mô hình phát triển kinh tế của gia đình anh Sỹ là một trong những mô hình tiêu biểu của xã Hưng Phú. Là một nông dân có trách nhiệm và nhiệt tình, sự cố gắng, nỗ lực, dám nghĩ, dám làm của anh Sỹ đã không những đưa gia đình thoát nghèo, vươn lên làm giàu mà còn đóng góp vào thành tích trong phong trào xây dựng nông thôn mới của địa phương ■

PHẠM NGỌC THIÊN

*Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Phước Long,
Bạc Liêu*



Anh Lê Văn Sỹ chăm sóc đàn gà của gia đình



ỨNG DỤNG HÀM BẢO QUẢN HIỆN ĐẠI TRONG KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Trong những năm gần đây, việc đánh bắt hải sản xa bờ nói chung và của tỉnh Kiên Giang nói riêng ngày càng phát triển, số lượng tàu đánh bắt xa bờ công suất lớn được bà con ngư dân đầu tư ngày càng tăng. Cùng với sự phát triển đó vẫn còn nhiều khó khăn như công nghệ bảo quản sản phẩm lạc hậu dẫn đến sản lượng đánh bắt ngày càng sụt giảm, phải kéo dài thời gian đánh bắt, giá xăng dầu không ổn định làm tăng chi phí đánh bắt... Trong khi đó, giá thu mua hải sản cũng bấp bênh nên lợi nhuận thu về mỗi chuyến biển ngày càng thấp.

Gia đình ông Hồ Văn Bảnh ở xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là một trong nhiều hộ đã biết cách ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào đánh bắt hải sản nhằm tăng sản lượng đánh bắt và giảm chi phí đầu vào.

Hiện ông Bảnh có 2 chiếc tàu hành nghề lưới cào đôi, công suất 500 CV/tàu, với 26 lao động/2 tàu. Tàu hoạt động trong phạm vi vùng biển Kiên Giang - Cà Mau. Trước những khó khăn và thách thức, năm 2013 gia đình ông được Viện Khoa học Kỹ thuật (Trường Đại học Nha Trang) tư vấn và hỗ trợ một hàm bảo quản hải sản cách nhiệt bằng PU (Polyurethan) ốp inox với thể tích hàm 21,7 m³ (5,9 m x 1,15 m x 3,2 m), chứa được 250 cây đá xay. Sau khi được sử dụng hàm bảo quản hải sản mới này, ông nhận thấy sản phẩm cá được bảo quản ở nhiệt độ thấp hơn, độ tan chảy của nước đá lâu hơn nên chất lượng cá cao hơn so với hàm bảo quản bằng gỗ. Nhờ áp dụng hàm bảo quản bằng inox, bình quân mỗi chuyến biển 1 tháng, ông Bảnh tiết kiệm được 50 cây nước đá, giá bán hải sản cao hơn khoảng 10% so với khi chưa áp dụng hàm bảo quản. Từ kết quả đó, ông đã mạnh dạn tiếp tục đầu tư thêm một hàm bảo quản bằng inox nhằm giảm chi phí, tăng thêm lợi nhuận cho từng chuyến biển.

Theo kết quả thử nghiệm bảo quản cá ngừ đại dương bằng hàm bọc cách nhiệt PU mặt ốp inox, nắp inox của Viện Khoa học Công nghệ Khai thác thủy sản, sau 3 chuyến biển (1 tháng/chuyến) kết quả như sau:

- Hàm bảo quản PU mặt ốp inox, nắp inox: Cá đạt chất lượng 95%, bị dạt 5%.

- Hàm bảo quản PU mặt ốp gỗ phủ sơn, nắp gỗ: Cá đạt chất lượng 70%, bị dạt 30%.

- Hàm PU mặt ốp inox có nhiệt độ thấp hơn hàm ốp gỗ phủ sơn 4°C - 5°C.

- Nước đá với hàm PU ốp inox giảm được 20% so với hàm ốp gỗ, không bị thiếu đá khi đi biển 30 ngày.

- Hàm PU ốp inox: Khi làm vệ sinh chỉ cần 1 người, làm 10 phút sẽ sạch hết mùi hôi và chất nhờn. Hàm PU ốp gỗ cần 2 người làm vệ sinh trong 30 phút mà vẫn không hết mùi hôi và còn chất nhờn bám trên thành vách hàm.

Với những ưu điểm đó, việc ứng dụng hàm bảo quản bọc cách nhiệt bằng PU ốp inox sẽ nâng cao chất lượng của thủy sản, giảm lượng nước đá bảo quản, kéo dài thời gian hoạt động cho tàu khai thác thủy sản xa bờ. Có thể áp dụng tốt cho tàu cá xa bờ công suất từ 90 CV trở lên.

Theo kinh nghiệm của ông Bảnh cho biết, việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào đánh bắt hải sản xa bờ là một việc làm cần thiết trong tình hình hiện nay nhằm giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Qua đây, ông cũng kiến nghị các ngành chức năng cần có nhiều nghiên cứu để ngày càng có nhiều kỹ thuật mới hơn nữa và hỗ trợ ngư dân yên tâm đánh bắt hải sản. ■

BBT

Hà Tĩnh:

LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH NUÔI CHIM CÚT

Phát huy tiềm năng lợi thế địa phương, thực hiện chủ trương của tỉnh về phát triển chăn nuôi, nhiều hộ dân ở thôn Long Giang, xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà đã lựa chọn con chim cút là đối tượng nuôi để phát triển kinh tế gia đình nhằm xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình.

Gia đình anh Trương Văn Tuấn là hộ đầu tiên nuôi chim cút ở xã Thạch Khê. Năm 2000, khi anh làm công việc thu mua thực phẩm cung cấp cho các nhà hàng tại thành phố Hà Tĩnh, món chim cút cũng như trứng cút rất được ưa chuộng và lúc nào cũng đắt hàng. Nhưng để có mặt hàng này anh phải tìm hiểu, liên hệ nhiều nơi ở các tỉnh khác mới có được. Sau một thời gian suy nghĩ, anh nảy ra ý định sẽ nuôi con chim cút. Vì thế, anh đã bỏ nhiều công sức tìm hiểu đặc điểm con vật này và quyết định mua giống về nuôi thử. Mới đầu anh chỉ nuôi số lượng ít. Nhưng một thời gian sau, nhận thấy đây là đối tượng không khó nuôi, anh đã tăng số lượng và mở rộng diện tích nuôi. Cũng chính sự say mê với con chim cút mà dù sau hai lần thay đổi nơi ở, anh vẫn một mực “trung thành” với nó. Đến năm 2010, gia đình anh bắt đầu ổn định, lập nghiệp tại thôn Long Giang, xã Thạch Khê, anh đã không quên mang theo “người bạn” của mình. Hiện nay, với khu vườn khá rộng, một bên anh làm nhà ở, một bên anh xây dựng một trại chim cút với số lượng 10.000 con.

Ban đầu, anh cũng chỉ mua 2000 con chim cút còn nhỏ về làm giống, sau đó anh cho đẻ và nhân giống. Gia đình anh đầu tư cả lò ấp nên rất thuận tiện cho quá trình ấp nở, cũng có khi đàn cút của anh lên đến vài vạn con. Những thời điểm đó, anh

vừa cho đẻ lấy trứng, vừa nuôi chim thịt và bán cả chim giống. Thời gian để một con chim cút trưởng thành và đẻ trứng là khoảng 35 - 40 ngày, số lượng chim đẻ trứng khoảng 85 - 90%. Ưu thế nổi trội của chim cút là liên tục cho trứng trong vòng 7 - 9 tháng. Sau khoảng thời gian trên thì năng suất trứng sụt giảm. Lứa chim đó sẽ loại thải bằng cách bán chim thịt với giá 4.000 - 5.000 đồng/con. Hiện nay, với số lượng 10.000 con, anh đang cho 3.000 con đẻ lấy trứng lộn, còn lại là cho đẻ lấy trứng thường. Cứ mỗi ô chuồng anh ghép 30 con chim mái với 10 con chim trống và mỗi ngày thu được 2.500 quả trứng lộn, 4.000 quả trứng thường. Nhờ chăm sóc tốt nên đàn chim cút nhà anh đẻ rất đều. Với giá bán 6.500 đồng/chục quả trứng cút lộn, 4.000 đồng/chục quả trứng thường, mỗi ngày anh thu trên 3 triệu đồng, trừ mọi chi phí, mỗi tháng anh thu về trên 40 triệu đồng. Bây giờ, anh đang thuê 0,5 ha ao đầm của xã để nuôi thêm tôm thẻ chân trắng.

Do có kinh nghiệm nuôi chim cút nhiều năm nên ai có nhu cầu anh đều chia sẻ. Vì thế, riêng ở thôn Long Giang đã có hơn chục hộ nuôi chim cút. Mỗi hộ nuôi từ nghìn con trở lên và đều được anh cung cấp con giống cũng như kinh nghiệm trong chăn nuôi. Hiện nay, gần nhà anh Tuấn có gia đình anh Trương Văn Dũng đang nuôi chim cút với số lượng 3000 con, anh Trương Đăng Chương đang nuôi 5000 con... và cho thu nhập khá ổn định.

Anh Tuấn cho biết: Nuôi chim cút đòi hỏi phải chăm sóc, vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng. Mật độ nuôi không quá dày (40 - 50 con/m²). Vào mùa hè, nên vệ sinh chuồng thông thoáng, giữ nhiệt độ mát mẻ. Còn mùa đông, do thời tiết lạnh, chim sinh sản chậm nên cần đảm bảo ánh sáng, tăng độ ẩm, nhiệt độ thích hợp cho chim cút phát triển là 20 - 30°C. Mô hình nuôi chim cút có ưu điểm là nhanh thu hồi vốn, chi phí đầu tư không cao, ít dịch bệnh, ít tốn công chăm sóc, rất phù hợp với các hộ nông dân. Bên cạnh đó, đầu ra của sản phẩm cũng khá thuận lợi.

Từ mô hình nuôi chim cút của anh Trương Văn Tuấn cũng như các hộ dân ở thôn Long Giang, xã Thạch Khê, có thể nhận thấy, đây là đối tượng nuôi cho hiệu quả kinh tế cao, cần được nhân rộng, nhất là đối với những vùng nông thôn để có thể giúp bà con xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững ■

NGUYỄN HOÀN

Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh



Nhờ chăm sóc tốt, đàn chim cút nhà anh Trương Văn Tuấn sinh sản đều, chất lượng tốt

MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI TẠO AO NUÔI TÔM

(Kỳ 2 và hết)



Quạt đảo nước trong ao nuôi tôm công nghiệp

5. Gây màu nước

Theo hướng dẫn của Tổng cục Thủy sản tại Công văn số 298/TCTS-NTTS ngày 01 tháng 02 năm 2013:

Hai ngày sau khi cấp nước vào ao nuôi, gây màu nước bằng cách:

Cách 1: Bằng cám ủ (thành phần: cám gạo, bột đậu nành, bột cá phối trộn theo tỷ lệ 2:2:1, nấu chín, ủ trong 2 - 3 ngày).

Bước 1: Từ 7 - 8 giờ: Bón vôi đen Dolomite $\text{CaMg}(\text{CO}_3)_2$ hoặc vôi nông nghiệp CaCO_3 liều lượng 100 - 150 kg/1.000 m³.

Bước 2: Từ 10 - 12 giờ: Bón cám ủ liều lượng 3 - 4 kg/1.000 m³.

Lặp lại 2 bước trên liên tục trong 3 - 5 ngày đến khi độ trong của nước đạt 30 - 40 cm.

Cách 2: Bằng mật đường + cám gạo + bột đậu nành (tỷ lệ 3:1:3) ủ trong 12 giờ.

- Lúc 9 - 10 giờ sáng: Bón mật đường + cám gạo + bột đậu nành đã ủ với liều lượng 2 - 3 kg/1.000 m³ nước ao, tạt liên tục trong 3 ngày.

- Khi màu nước trong ao chuyển sang màu tảo khuê (vàng hay nâu nhạt) hay màu xanh vỏ đậu thì tiến hành thả giống.

Đối với những ao khó gây màu nước, hay màu nước không bền nên bổ sung khoáng, silic để giữ màu nước cho ao nuôi. Có thể gây màu nước bằng chế phẩm vi sinh theo hướng dẫn của nhà sản xuất có uy tín.

* Lưu ý:

- Tuyệt đối không dùng phân tươi để gây màu nước;
- Không diệt tạp trong hồ nuôi khi đã lấy nước.

Kiểm tra và điều chỉnh các yếu tố môi trường nước ao nuôi đảm bảo trong ngưỡng thích hợp trước khi thả giống.

Bảng 1. Giới hạn một số yếu tố môi trường từ những mô hình thành công

Yếu tố môi trường nước ao nuôi tôm	Giới hạn tối ưu đối với tôm sú	Giới hạn tối ưu đối với tôm thẻ chân trắng
Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	> 4 mg/l	> 6 mg/l
pH	7,5 - 8,5 (dao động trong ngày không quá 0,5)	
Độ mặn	15 - 25‰	5 - 25‰
Độ kiềm	80 - 120 mg/l	120 - 150 mg/l
Độ trong	30 - 40 cm	
NH ₃	< 0,1 mg/l	
H ₂ S	< 0,01 mg/l	

6. Lắp đặt hệ thống quạt nước

Bố trí hệ thống quạt nước và thời gian chạy quạt nước đảm bảo nhu cầu oxy cho tôm nuôi, đặc biệt thời điểm chiều tối/đêm/gần sáng khi hàm lượng oxy hòa tan giảm dần/xuống thấp nhất trong ngày. Cần tăng cường thời gian chạy quạt hoặc bố trí thêm hệ thống quạt cho tôm nuôi, đặc biệt vào những thời điểm nắng nóng hoặc mưa kéo dài.

a) Vị trí đặt cánh quạt nước

- Cách bờ 1,5 m;
- Khoảng cách giữa 2 cánh quạt nước 60 - 80 cm, lắp so le nhau;
- Tùy theo hình dạng ao mà bố trí cánh quạt nước nhằm tạo được dòng chảy tốt nhất và cung cấp đủ nhu cầu oxy cho tôm nuôi.

b) Số lượng máy quạt nước

- Đối với nuôi tôm sú:

Bảng 2. Bố trí quạt nước và tốc độ chạy quạt cho ao nuôi tôm sú công nghiệp

Diện tích ao (m ²)	Bố trí quạt nước (cánh)		Tốc độ vòng quay (vòng/phút)
	Mật độ 15 - 20 (con/m ²)	Mật độ 20 - 25 (con/m ²)	
2.000	20 - 25	25 - 30	100 - 120
5.000	50 - 60	60 - 80	100 - 120

- Đối với nuôi tôm thẻ chân trắng:

Tôm thẻ chân trắng đòi hỏi ôxy rất lớn, do đó tùy theo mật độ thả nuôi có thể thiết kế hệ thống quạt nước bằng cánh quạt nhựa hoặc kết hợp cánh quạt

nhựa và cánh quạt lông nhím hoặc các cánh quạt cung cấp ôxy khác để cung cấp ôxy cho ao nuôi; vòng tua của cánh quạt nhựa nên > 120 vòng/phút.

Bảng 3. Bố trí quạt nước cho ao nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp

Diện tích ao (m ²)	Mật độ (con/m ²)	Số lượng dàn quạt cánh (10 cánh quạt/dàn)	Số lượng dàn quạt lông nhím
2.000 - 3000	30 - 60	4	1
	60 - 100	4	2
4.000 - 5.000	30 - 60	6	2
	60 - 100	6	3 - 4

TTKNQG

KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VỊT BIỂN

(Kỳ 1)



Đối với chăn nuôi nông hộ cần phải nuôi nhốt và làm chuồng độc lập

nhốt trong vườn cây, vườn đồi, nuôi nhốt kết hợp cá - vịt, cá - lúa - vịt, lúa - vịt.

Đặc biệt vịt nuôi được ở điều kiện nước lợ, nước mặn rất tốt, thích hợp nuôi ở những tỉnh ven biển và vùng biển đảo.

2. Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

Đối với chăn nuôi nông hộ cần phải nuôi nhốt và làm chuồng nuôi độc lập với nhà ở.

Đối với chăn nuôi gia trại, trang trại với quy mô vừa và lớn, xây dựng chuồng trại biệt lập với khu dân cư, cách xa khu đô thị, đường giao thông, khu công nghiệp, trường học, bệnh viện. Khu chăn nuôi phải có tường rào bao quanh, nên quy hoạch có vành đai an toàn, không nuôi chung giữa các loài gia súc và gia cầm. Xây dựng chuồng trại phải phù hợp cho từng giai đoạn của vịt: chuồng nuôi vịt con, chuồng nuôi vịt hậu bị, chuồng nuôi vịt sinh sản.

Vị trí gia trại, trang trại phải cao ráo, sạch sẽ và thoáng mát. Chuồng trại phải có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác vệ sinh phòng dịch và an toàn sinh học. Nếu nuôi nhốt nên có sân chơi cho vịt (diện tích sân chơi tối thiểu phải gấp đôi diện tích chuồng nuôi), chuồng thông thoáng tự nhiên sẽ thuận lợi cho công tác vệ sinh thường xuyên và xử lý môi trường, đồng thời giảm chi phí so với nuôi chuồng kín..

1. Đặc điểm và khả năng sản xuất của vịt biển

Vịt biển mới nở có lông màu vàng nhạt, ở đầu và đuôi có phớt đen, vịt trưởng thành có màu lông cánh sê, cổ có khoang trắng, lông cánh màu xanh đen, mỏ và chân màu vàng nhạt, có con màu xám, cổ trung bình, tuổi đẻ là 20 - 21 tuần tuổi, khối lượng vịt vào đẻ 2,5 - 2,7 kg/con, năng suất trứng từ 240 - 245 quả/mái/năm, khối lượng trứng 80 - 85 g/quả.

Vịt có thể nuôi theo các phương thức khác nhau như nuôi nhốt trên khô không cần nước bơi lội, nuôi

Chuồng trại cho vịt nên làm đơn giản nhưng phải thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, không bị mưa hắt, không bị nắng chiếu vào ổ đẻ. Có thể làm bằng lưới, tre, nứa, lá hoặc làm sàn trên ao hồ, trên bè (quây gọn).

Căn cứ vào mật độ để xác định diện tích chuồng nuôi phù hợp, mật độ chuồng nuôi như sau:

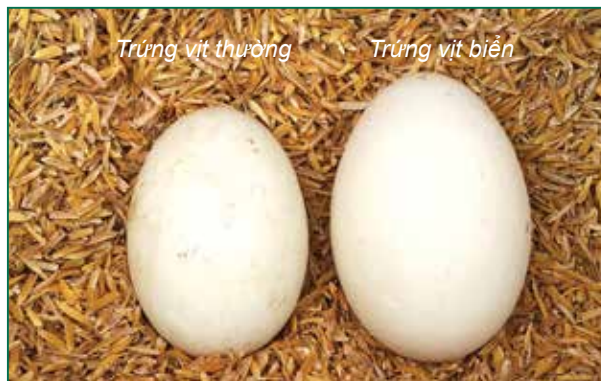
Tuổi	Nuôi không cần nước bơi lội (con/m ²)			Nuôi có nước bơi lội (con/m ²)	
	Nhốt trong chuồng	Chuồng có sân chơi	Chuồng + Vườn cây	Chuồng + nhốt trên ao, cửa sông, biển	Chuồng + nhốt trên ruộng lúa
Tuần đầu	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35	30 - 35
2 - 4 tuần	10 - 15	15 - 20	15 - 20	15 - 20	15 - 20
5 - 8 tuần	5 - 6	6 - 8	8 - 10	8 - 10	8 - 10
Hậu bị	3	4 - 5	5 - 6	5 - 6	5 - 6
Sinh sản	3	4	4	4	4

Nếu mật độ nuôi cao sẽ làm giảm năng suất và tiểu khí hậu chuồng nuôi xấu. Nhưng nếu mật độ nuôi thấp sẽ không kinh tế khi sử dụng chuồng trại.

Nền chuồng có thể lát gạch, xi-măng + cát, không được lát gạch hoa và đánh bóng, có thể làm nền bằng cát.

Độn chuồng bằng trấu, phân bón hoặc rơm rạ băm nhỏ nhưng không bị hôi mốc. Thường xuyên bổ sung độn chuồng làm cho độn chuồng khô, chuồng vịt ngăn sinh sản độn chuồng dày 10 - 15 cm.

Các ô chuồng không nên quá rộng, mỗi ô tối đa 200 con vịt.



Trứng vịt biển so với trứng vịt thường trong cùng điều kiện chăn nuôi

* Sân chơi: Diện tích sân chơi gấp 2 - 3 lần diện tích chuồng nuôi. Sân chơi dốc ra ngoài để thoát nước, dọc sân chơi nên có cây bóng mát để chắn gió và che nắng. Nếu vịt nuôi trên khô thì song song với chuồng là máng uống nước có tấm ngăn tránh vịt vào bơi. Nếu sử dụng mương bơi phải thường xuyên thay nước. Sân chơi bằng phẳng, không đọng nước. Có thể lát gạch hoặc bê-tông.

Đối với nuôi thả trên vườn cây, nuôi trên ao, nuôi ở ruộng lúa phải có vây để quây vịt ngăn, không nên thả rộng.

* Máng ăn, máng uống: Giai đoạn vịt con: Dùng máng tôn hoặc mẹt tre hoặc tấm ni-lông cho vịt ngan ăn. Có thể sử dụng máng ăn, máng uống bằng xây gạch và bê-tông, vị trí máng uống ở ngoài sân chơi tránh ướt chuồng nuôi.

* Trang thiết bị: Tháp sáng và sưởi ấm cho vịt giai đoạn nhỏ bằng bóng điện, chụp sưởi, những





nơi không có điện phải sử dụng đèn dầu hoặc bếp than...

Nuôi bán thâm canh phải chuẩn bị vây ràng, lưới hoặc cốt để quây vịt.

Đến giai đoạn sinh sản phải chuẩn bị ổ đẻ cho vịt. Ổ đẻ có thể làm bằng gỗ kích thước 35 cm x 35 cm x 35 cm, hoặc làm bằng những sào tre lót rơm rạ hoặc quận tròn bằng rơm.

3. Chọn giống

Khi nuôi phải chọn đúng giống, đúng chủng loại. Không nên tận dụng những đàn thương phẩm để nuôi làm đàn bố mẹ sẽ ảnh hưởng xấu đến năng suất.

Trong chăn nuôi vịt có 3 giai đoạn chọn:

+ **Chọn ở 1 ngày tuổi:** Chọn vịt nhanh nhẹn, bông lông, khỏe mạnh; không khô chân, nặng bụng, khoèo chân, hở rốn, lông có màu vàng nhạt, có phớt đen ở đầu và đuôi. Nuôi vịt bố mẹ phải chọn đực/mái theo tỷ lệ 1/5 hoặc 1/6.

+ **Chọn ở 56 ngày tuổi:** Đối với các đàn giống vịt bố mẹ kết thúc 56 ngày tuổi chọn để chuyển lên nuôi giai đoạn hậu bị: Căn cứ vào tầm vóc và ngoại hình của giống, kết hợp với khối lượng vịt để chọn: vịt biển 1,7 - 1,9 kg/con.

Tỷ lệ ghép đực/mái là 1/5 - 1/6, tỷ lệ chọn 80 - 90%.

+ **Chọn vịt lên sinh sản:** Tiến hành chọn trước khi vào đẻ là 2 tuần cũng căn cứ vào ngoại hình của giống và khối lượng để chọn: khối lượng 2,4 - 2,7 kg/con.

Tỷ lệ ghép đực/mái là 1/6 - 1/7. Tỷ lệ chọn 90 - 95%.

Trong thời gian vịt sinh sản, cần loại bỏ những con vịt mái quay lông quá sớm (bị rụng lông ở cánh, lông đuôi) hoặc những con có màu mỡ và chân vàng hơn, những con vịt có màu lông đậm sẽ đẻ kém hơn.

4. Thức ăn

4.1. Loại thức ăn và chất lượng thức ăn

Nguyên liệu thức ăn dùng cho vịt: gạo, thóc, ngô, đậu tương, tấm, cám, cá tép, cua, ốc, don, dất... bã bia, bã rượu, khoai, rau bèo... nếu thức ăn được nấu chín thì khả năng tiêu hoá và hấp thụ tốt hơn, vịt lớn nhanh và hiệu quả kinh tế hơn.

Lưu ý không được sử dụng thức ăn bị mốc và ôi chua. Thức ăn phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng/kg phù hợp cho từng giống vịt và từng giai đoạn phát triển của vịt.

* Chú ý: Thường xuyên kiểm tra chất lượng thức ăn trước khi cho vịt ăn.

Tiêu chuẩn thức ăn cho vịt sinh sản:

Giai đoạn nuôi	Protein (%)	Năng lượng (kCal)
1 - 8 tuần tuổi	20 - 21	2850 - 2900
Giai đoạn nuôi hậu bị	14 - 14,5	2850 - 2900
Giai đoạn dựng đẻ và đẻ	17 - 17,5	2650 - 2700

4.2. Lượng thức ăn

Đối với vịt nuôi giống phải thực hiện chế độ ăn định lượng để khống chế khối lượng cơ thể theo tiêu chuẩn thì khả năng sinh sản sẽ đạt năng suất cao.

Ngày tuổi	g/con/tuần	Ngày tuổi	g/con/ngày
1	4	18	72
2	8	19	76
3	12	20	80
4	16	21	84
5	20	22	88
6	24	23	92
7	28	24	96
8	32	25	100
9	36	26	104
10	40	27	108
11	44	28	108
12	48	29 - 56	112
13	52	57 - 70	116
14	56	71 - 84	120
15	60	85 - 98	124
16	64	99 - 112	128
17	68	113 - 126	132
		127 - 133	136

(Có thể tập dần cho vịt ăn thóc luộc từ tuần tuổi thứ 3)

(Xem tiếp số 7/2015)

TS. HẠ THÚY HẠNH

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Một số biện pháp

TƯỚI NƯỚC TIẾT KIỆM CHO CÂY CÀ PHÊ VÙNG TÂY NGUYÊN

Nước đóng vai trò rất quan trọng, quyết định đến sản xuất cà phê, chỉ trồng được cà phê khi có đủ nguồn nước tưới trong mùa khô để cây ra hoa kết quả đồng loạt. Tuy nhiên, tưới nước quá nhiều không những không làm tăng năng suất cà phê mà còn gây lãng phí nước, tăng chi phí sản xuất.

Trước kia nông dân thường áp dụng 2 biện pháp là tưới vào bồn cây (tưới dí) và tưới tràn, xong chủ yếu là tưới dí; một số nông trường lớn dùng biện pháp tưới phun mưa. Do nguồn nước ngày càng khó khăn, chi phí cho nước tưới ngày càng lớn nên nhiều nghiên cứu về tưới nước cà phê được tiến hành và theo 2 hướng chính: (1) Xác định lượng nước tưới/gốc/lần, số lần tưới/năm thích hợp nhất; (2) Thay đổi phương pháp tưới theo dạng nhỏ giọt, phun mưa thấp và cục bộ trong từng bồn cây. Dưới đây, Ban Biên tập Bản tin Thông tin Khuyến nông Việt Nam giới thiệu một số biện pháp tưới nước tiết kiệm cho cây cà phê vùng Tây Nguyên:

1. Tưới nhỏ giọt

Nước được kết hợp với phân bón tưới nhỏ giọt vào gốc cà phê. Sau khi cây cà phê đã phân hóa mầm hoa, lượng nước được cung cấp liên tục 3 ngày, mỗi ngày tưới một giờ vào buổi sáng cung cấp cho 1 cây 28 lít nước, những đợt sau cách 4 - 5 ngày tưới một lần, khoảng hơn 10 ngày kể từ ngày tưới đầu tiên, hoa cà phê đã đồng loạt bung rộ. Trong cả mùa khô

căn cứ vào độ ẩm trong đất mà điều tiết nước tưới phù hợp.

Ưu nhược điểm:

Tiết kiệm nước 20 - 30% lượng nước tưới so với tưới phun mưa do nước được cung cấp trực tiếp đến bộ rễ cây nên tránh được tổn thất nước do bốc hơi hoặc tưới ra ngoài.

Có thể kết hợp sử dụng phân bón bằng cách hòa tan phân bón vào bể nước để tưới.

Chi phí vận hành thấp, nhưng đòi hỏi người công nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt kiểm soát chất lượng nước.

Vốn đầu tư cao, thiết bị đắt tiền và đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao (hệ thống phải được thiết kế và vận hành với độ chính xác cao). Đặc biệt không áp dụng cho các vùng có chất lượng nước không đảm bảo, nhiều vi khuẩn, chất hữu cơ, nước đá vôi,...

Dễ bị tắc, khó sửa chữa, phục hồi.

Không có khả năng cải tạo tiểu vùng khí hậu khu vực cây trồng.



Mô hình tưới nhỏ giọt

2. Tưới phun mưa từng gốc cà phê

Biện pháp tưới tiết kiệm cho cà phê theo từng gốc nhưng khác với nhỏ giọt là có đầu phun mưa nhỏ ở mỗi gốc cà phê nên nước được thấm đều trên cả diện tích bồn cây.



Mô hình tưới phun mưa từng gốc

Ưu điểm của việc tưới tiết kiệm nước là chi phí lắp đặt cho việc tưới ít, chỉ khoảng 20 triệu đồng/ha, việc lắp đặt hệ thống đơn giản, dễ sử dụng. Tưới tiết kiệm nước lượng nước cung cấp đều quanh gốc cây cà phê chỉ còn 400 - 450 lít/cây giúp tiết kiệm 20 - 30% lượng nước tưới thường mà không hề ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất của cây cà phê. Một vấn đề rất quan trọng là xác định đúng thời điểm tưới nước lần đầu, nếu tưới sớm làm đảo lộn quá trình ra hoa, lãng phí nước, ra hoa không tập trung; tưới muộn cây khó phục hồi lại vì đã bị héo.

3. Tưới dí

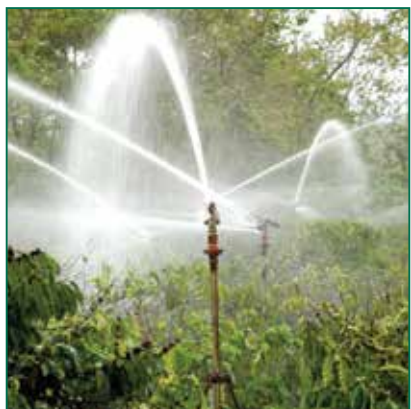
Đây là kỹ thuật tưới phổ biến của nông dân, tuy nhiên cần xác định lượng nước tưới vừa phải,

hợp lý. Dùng ống cao su thường có đường kính 50 mm đưa nước vào từng gốc. Trước khi tưới nước phải vét bồn xung quanh gốc và tán cây để chứa nước. Không đào bồn quá sâu bởi vì trên 80% trọng lượng rễ tập trung ở tầng đất có độ sâu từ 0 - 40 cm. Nông dân có thể tưới với lượng nước 450 - 500 lít/cây cho lần tưới đầu tiên, khoảng 20 ngày sau tưới đợt 2 khoảng 400 - 450 lít/cây. Biện pháp này sẽ tiết kiệm nước tưới hơn biện pháp tưới tràn hay tưới phun mưa.



Biện pháp tưới dí

Ngoài ra, còn có phương pháp tưới phun mưa với vòi phun xoay tròn tưới từ phía trên tán cây. Biện pháp này có ưu điểm làm mát cây, rửa bụi trên lá cây, cải thiện tiểu khí hậu vườn cây nhưng lượng nước sẽ tốn hơn phương pháp tưới khác.



Mô hình tưới phun mưa

BBT (gt)

I. Một số chú ý trong chăn nuôi lợn đực giống vào mùa hè

Nhiệt độ phù hợp cho lợn đực giống khoảng 25°C, trong mùa hè, đặc biệt những ngày nắng, nóng, rất ảnh hưởng đến lợn đực giống. Để lợn đực giống khỏe mạnh, chất lượng tinh tốt, cần chú ý một số vấn đề sau:

1.1. Chuồng trại

Chuồng trại đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, diện tích chuồng nuôi tối thiểu 5 m²/con đối với lợn nội và 6 m²/con đối với lợn ngoại.



Chuồng nuôi lợn đực đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, đủ diện tích

1.2. Chăm sóc nuôi dưỡng

- Kiểm tra lượng thức ăn, máng ăn, vòi uống, trạng thái, tình trạng sức khỏe của lợn.

- Thường xuyên tắm chải cho lợn, không tắm hoặc cho ăn sau khi đi phối giống hoặc khai thác tinh ít nhất 30 phút.

- Cho lợn ăn vào sáng sớm, không cho ăn no trước khi khai thác tinh.



Không vận chuyển, khai thác lợn đực khi trời nắng, nóng

- Chỉ cho lợn đực nhảy trực tiếp hoặc khai thác tinh vào thời điểm mát trong ngày.

- Định kỳ tiêm ADE hoặc bổ sung giá đỡ, ngô, thóc mầm cho lợn.

- Cho ăn:

+ Cho ăn thức ăn lợn đực giống hoặc 50% thức ăn lợn nái đẻ (thành phần dinh dưỡng: Protein: 17%; Xơ thô: 7%; Ca: 0,6 - 1,2%; Năng lượng trao đổi: 3100 kCal/kg; P: 0,5 - 1,0%; Lysine: 0,9%; Methionine + Cystine: 0,5%) + 50% thức ăn lợn thương phẩm giai đoạn 2 (thành phần dinh dưỡng: Protein: 18%; Xơ thô: 6%; Ca: 0,5 - 1,2%; Năng lượng trao đổi: 3150 kCal/kg; P: 0,5-1,0%; Lysine: 1,0%; Methionine + Cystine: 0,6%).

+ Lợn dưới 1 năm tuổi: Cho ăn 2,0 - 2,2 kg/ngày.

+ Lợn trên 1 năm tuổi: Cho ăn 2,2 - 2,5 kg/ngày.

+ Mùa hè cần cung cấp 4 g vitamin C/ngày để có thể duy trì chất lượng tinh.

+ Sau mỗi lần khai thác: Cho lợn ăn thêm 2 quả trứng gà.

1.3. Chế độ khai thác, sử dụng

- Chỉ sử dụng lợn đực đã qua kiểm tra năng suất (KTNS) đạt yêu cầu.

- Số lần khai thác tinh không quá hai lần/tuần đối với lợn đực giống dưới hai năm tuổi và không quá ba lần/tuần đối với lợn đực giống trên hai năm tuổi. Tuổi bắt đầu khai thác tinh của lợn đực giống không ít hơn tám tháng tuổi đối với lợn nội, mười tháng tuổi đối với lợn ngoại và tuổi sử dụng không quá ba năm rưỡi.

- Lợn đực sau khi hồi phục điều trị bệnh phải lấy tinh kiểm tra trước khi cho phối giống.

- Hàng ngày ghi chép sổ sách theo dõi theo mẫu hiện hành.

MỘT SỐ CHÚ Ý

Trong chăn nuôi lợn đực giống vào mùa hè và bệnh lý sinh sản thường gặp



Kiểm tra chất lượng tinh dịch lợn

1.4. Nước uống

Nước uống vệ sinh, cung cấp đầy đủ.

1.5. Thú y

Tiêm vắc-xin phòng bệnh và vệ sinh phòng bệnh cho lợn đực làm việc theo quy trình thú y.

II. Một số bệnh lý sinh sản thường gặp ở lợn đực giống

2.1. Vô tinh

Là hiện tượng không có tinh trùng ở trong tinh dịch. Tinh trùng không được hình thành và vô tinh xảy ra trong bệnh ẩn tinh hoàn (cả 2 tinh hoàn), tinh hoàn kém phát triển, các quá trình thoái hoá trong tinh hoàn do thiếu dinh dưỡng, do bệnh, do sử dụng đực quá mức hoặc do viêm ống dẫn tinh. Cần loại thải những con đực giống này.

2.2. Ít tinh

Là giai đoạn trung gian chuyển tiếp đến hiện tượng vô tinh hoặc quá trình tạo tinh đang hồi phục. Trong bệnh này ở tinh dịch số lượng tinh trùng ít, đôi khi hoạt đực của con đực rất tốt

nhưng sức sống của tinh trùng lại rất yếu.

Nguyên nhân gây nên hiện tượng này cũng giống như nguyên nhân gây nên vô tinh, để khắc phục, cần loại bỏ các yếu tố bất lợi: nếu tinh hoàn kém phát triển cần cải thiện thức ăn và chăm sóc đực giống tốt, có thể dùng huyết thanh ngựa chữa hoặc mát xa tinh hoàn; phương pháp hiệu quả là cho đực tiếp xúc với nái chịu đực.

Nếu quá trình tạo tinh rối loạn do thức ăn thì cần cải thiện thức ăn (bổ sung giá đỗ, ngô mầm, thóc mầm, trứng gà...).

2.3. Lãnh tinh

Là trường hợp tinh trùng không chuyển động ở trong tinh dịch tươi, nguyên nhân gây chứng bệnh này rất nhiều nhưng phổ biến hơn cả là do rối loạn chức năng của phó tinh hoàn. Các quá trình viêm cấp tính và mãn tính tinh hoàn, phó tinh hoàn và các màng của chúng xảy ra do nhiễm trùng, chấn thương và băng giá gây nên rối loạn chế độ điều tiết nhiệt trong quá trình tạo tinh trùng ở trong tinh hoàn và giữ chúng ở trong ống dẫn của phó tinh hoàn. Các nguyên nhân đó dẫn đến tinh trùng bị chết, bất động và thay đổi thành phần cấu tạo.

Lãnh tinh tạm thời có thể xảy ra khi nhiệt độ tinh hoàn và tinh hoàn tăng cao do nhiệt độ môi trường quá nóng hoặc do chuồng bẩn phân rác bám chặt lên bìu tinh hoàn làm tăng nhiệt.

Chứng lãnh tinh xảy ra khi các tuyến sinh dục phụ và túi đực tinh của ống dẫn tinh bị bệnh, khi xuất tinh các chất tiết bệnh lý trộn lẫn vào tinh làm tinh trùng yếu đi hoặc bị chết.

Lãnh tinh còn gặp khi nghỉ lâu giữa 2 lần giao phối hoặc chế độ sử dụng bất hợp lí, chế độ ăn uống không bảo đảm, thức ăn thiếu vitamin và khoáng, thiếu vận động. Trong trường hợp này cần loại bỏ các yếu tố bất lợi. Hàng ngày cần vệ sinh bao tinh hoàn lợn đực bằng nước sạch. Trong mùa hè cần tắm mát hàng ngày.

2.4. Tinh trùng kỳ hình

Kiểu kỳ hình của tinh trùng có các dạng sau: đầu biến dị, có hai đầu, gầy cổ, đầu cách ly, đuôi cong hoặc bẻ gập, hai đuôi, đuôi to... tinh trùng có đầu to quá hoặc bé quá nói nên sự rối loạn chức năng của tinh hoàn (viêm mãn tính, bị nóng quá). Nếu tinh trùng bị dị dạng đuôi và đập thì liên quan tới trạng thái bệnh lý ở ống dẫn tinh, các tuyến sinh dục phụ, rối loạn chức năng điều nhiệt của bao tinh hoàn hoặc do tinh hoàn quá nóng. Trường hợp đuôi tinh trùng bị vắn có thể là do nước lạnh lẫn vào tinh.

Yêu cầu tối thiểu cho hoạt lực tinh trùng là 0,8; nếu quá 20% kỳ hình sẽ phải loại thải.

Thường xuyên kiểm tra chất lượng tinh dịch để có biện pháp khắc phục kịp thời.■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

SÂU ĐỤC THÂN HẠI CÂY CÀ PHÊ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ

Có 2 loại sâu đục thân hại cây cà phê là sâu đục thân mình trắng (*Xylotrechus quadripes* Chevrolat) và sâu đục thân mình hồng (*Zeuze coffea* Nietner). Chúng hoạt động quanh năm và phát triển mạnh ở những khu vực nhiệt độ cao và nhiều ánh sáng.

1. Sâu đục thân mình trắng (*X. quadripes* Chevrolat)

- Trưởng thành là 1 loại xén tóc nhỏ có màu xanh đen. Con trưởng thành đẻ trứng vào vết nứt của đoạn cành hoặc thân rải rác hoặc thành từng cụm. Sau khi nở, sâu non đục vào gỗ, rồi đục ngoằn nghèo quanh vòng cây, tiện ngang các mạch gỗ. Sâu đục tới đâu, đùn phân và mặt cửa bịt kín đến đó. Đến tuổi 5, tuổi 6 sâu đục ra phía gần vỏ tạo 1 khoảng rộng trong phần gỗ của cây và hoá nhộng tại đó.

- Vòng đời từ trứng - sâu non - trưởng thành - đẻ trứng là 200 - 211 ngày trong vụ đông và 126 - 176 ngày đối với vụ hè.

- Sâu phát triển quanh năm và thường gây hại nặng vào tháng 4, 5 và 10, 11. Trưởng thành ưa đẻ trứng vào những cây ít cành, thưa lá. Chúng hoạt động mạnh khi nhiệt độ cao, ánh sáng nhiều. Ruộng cà phê càng dài nắng càng bị hại nặng.

- Cây cà phê bị sâu đục thân mình trắng gây hại có các biểu hiện sau:

+ Toàn bộ lá phía trên ngọn bị vàng héo, các lá phía dưới còn xanh tốt, cây mọc thêm nhiều chồi thân.

+ Trên thân có những đường lằn nổi lên theo vòng, vỏ bị nứt nẻ, có những lỗ đục đường kính 2 - 3 mm.

+ Cây dễ bị gãy gục tại chỗ bị sâu đục.

+ Chẻ dọc thân cây thấy có đường rãnh sâu đục, phát hiện có sâu non màu trắng ngà, không có chân, toàn thân gồm nhiều đốt.

2. Sâu đục thân mình hồng (*Z. coffea* Nietner)

- Trưởng thành là loài bướm trắng với nhiều chấm nhỏ màu xanh biếc hoặc màu xanh đen, thân dài 20 - 30 mm, màu đỏ và được phủ bằng lớp lông trắng. Sâu non đầy sức dài 30 - 50 mm màu hồng. Nhộng dài 15 - 34 mm.

- Bướm cái đẻ trứng vào vỏ cây, sâu non đục vào giữa thân cây và đùn mặt gỗ ra ngoài. Cây bị hại dễ bị gãy ngang.

- Sâu thường phá hại thân hoặc cành cấp 1, cấp 2. Sâu có thể phá hại từ cây này sang cây khác hoặc cành này sang cành khác, gây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây thậm chí gây chết cây.

- Suốt vòng đời của sâu đục vào thân và sống bên trong đó, đến khi trưởng thành bay ra ngoài tìm những nơi cành lá xanh

tốt xum xuê để đẻ trứng, trứng được đẻ thành từng ổ ở vỏ cây.

- Sâu phát triển thích hợp ở nhiệt độ 20 - 28°C, dưới 18°C sâu phát triển chậm, sâu thường gây hại ở cây có tán không cân đối, những vườn không có cây che bóng.

3. Biện pháp phòng trừ

- Đối với vườn cà phê đang bị sâu đục thân phá hại, cần tiến hành cưa bỏ những đoạn cành, thân cây có sâu đục thân hại để tiêu diệt bằng cách đốt hoặc chẻ thân cây ra, thu sâu non để diệt.

- Con trưởng thành (bướm, xén tóc) thường bị kích thích và thu hút bởi ánh sáng vì thế có thể dùng bẫy đèn để bắt các con trưởng thành và tiêu diệt vào đầu mùa mưa. Thời điểm này chúng thường ghép đôi và sinh sản.

- Sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật sau để phun trừ: Hoạt chất Diazinon (Diazol 10G, liều lượng 15 g/gốc; Diazan 50EC, liều lượng 2,5 lít/ha); Hoạt chất Chlorpyrifos Ethyl + Cypermethrin (Tungcydan 55EC, liều lượng 1,0 lít/ha)... Lượng nước phun 800 lít/ha, phun lên thân cây 2 - 3 lần để diệt sâu non ngay từ khi mới nở. Chú ý phun ướt đều toàn bộ cây, đặc biệt phun kỹ thân cây và phun vào sáng sớm hoặc chiều mát.

- Trồng cây che bóng làm giảm cường độ ánh sáng. Cắt tỉa cành để cây có được bộ tán lá cân đối và thân cây được che phủ từ trên xuống dưới. Bón phân cân đối, đầy đủ để cây phát triển tốt, tăng sức đề kháng cho cây.

- Bảo vệ thiên địch, loài ong *Apenesia sahyadrica* Azevedo & Waichert ký sinh trên giai đoạn sâu non của sâu đục thân mình trắng.



Sâu đục thân mình trắng hại cây cà phê (Ảnh: Văn Thọ)

ÁNH NGUYỆT

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Vườn mía của gia đình tôi mới lên đợt được 2 lá, vừa nhú khỏi mặt đất đã bị sâu đục thân. Tôi đã sử dụng thuốc Sariphop, Monitor để điều trị nhưng không hiệu quả. Xin hỏi các biện pháp khắc phục?

Bùi Văn Hoài

Thượng Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình

Đáp:

Có nhiều loài sâu đục thân mía gây hại như sâu đục thân mình vàng, sâu đục thân mình trắng, sâu đục thân mình hồng, sâu đục thân 5 vạch...

Sâu đục thân hại mía rất khó phòng trừ do chúng trú ngụ trong thân cây mía, lại xuất hiện ở nhiều giai đoạn phát triển khác nhau; chúng sinh sôi, nảy nở nhanh nên bắt buộc phải phòng trừ bằng biện pháp tổng hợp mới đạt hiệu quả.

- Về biện pháp canh tác: Sử dụng giống kháng sâu bệnh; hom giống khỏe, đạt tiêu chuẩn, không có mầm mống sâu bệnh. Ruộng trước khi trồng mía phải cày bừa kỹ, vệ sinh đồng ruộng sau thu hoạch, diệt trừ cỏ dại...

- Về biện pháp sinh học: Sử dụng côn trùng thiên địch như: kiến, ong ký sinh.

- Về biện pháp hóa học: Không có loại thuốc đặc hiệu và rất khó trị sâu, chỉ có biện pháp phòng ngừa:

+ Giai đoạn trồng mới: Dùng các loại thuốc có hoạt chất Diazinon như: Basudin 40EC, 50EC/ND hoặc Basudin 10G và Padan 4H, Kayazinon, rải lúc đặt hom với lượng 30kg/ha để phòng trừ mối, bọ hung và các loài sâu đục thân.

+ Giai đoạn kết thúc mọc mầm đến vươn lóng: Rải hoặc phun cục bộ những nơi cây mía bị hại hoặc có triệu chứng sâu mới xâm nhập: Dùng Padan 4H liều 10 g/m hoặc Vibasu nồng độ 0,25%, Padan 95SP 0,8 kg/ha để phun.

Ngoài ra, trong các giai đoạn vươn lóng đến trước thu hoạch chú ý bóc lá khô, lá già, chặt cây bị sâu bệnh, kết hợp vệ sinh ruộng mía. Sau khi thu hoạch mía phát quang bờ lô để phá nơi ẩn náu của sâu, bệnh; có thể luân canh cải tạo đất khi kết thúc chu kỳ trồng mía.

Hỏi: Gia đình tôi nuôi một đàn dê, thời gian gần đây dê bị ho, sổ mũi. Nhiều lúc dê mệt, mất lời đờ, không ăn, gầy. Xin cho biết biện pháp chữa trị?

Nguyễn Văn Hùng

Cửa Lò, Nghệ An

Đáp:

Với những triệu chứng như miêu tả cho thấy đàn dê bị viêm đường hô hấp. Anh có thể tham khảo cách chữa trị như sau:

* **Điều trị nhiễm khuẩn:** Sử dụng một trong các loại kháng sinh sau đây trong 4 - 5 ngày liên tục.

+ Tylosin, liều 11 mg/kg khối lượng/ngày;

+ Gentamycine, liều 15 mg/kg khối lượng/ngày;

+ Streptomycine, liều 30 mg/kg khối lượng/ngày.

- Trợ sức và hộ lý :

+ Dùng vitamin B1, vitamin C;

+ Truyền tĩnh mạch huyết thanh mặn hoặc ngọt đẳng trương;

+ Chăm sóc và nuôi dưỡng tốt.

* **Phòng bệnh:**

- Giữ chuồng trại khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát vào mùa hè và ẩm áp vào mùa đông. Định kỳ tẩy uế chuồng nuôi bằng nước vôi 10% hoặc axít phenic 2%;

- Cho dê ăn uống tốt, bảo đảm đủ dinh dưỡng; thức ăn, nước uống phải sạch sẽ;

- Phát hiện sớm những con dê bị bệnh, nuôi cách ly và điều trị kịp thời.

Hỏi: Xin hỏi kỹ thuật nuôi ba ba trong ruộng lúa? Thời gian thả nuôi ba ba sau khi trồng lúa?

Nguyễn Thị Hồng Thủy

Hoà Khánh, Cái Bè, Tiền Giang

Đáp:

Trước tiên, phải đào mương xung quanh ruộng lúa sâu từ 1,0 - 1,2 m, diện tích mương khoảng 1/4 - 1/3 ruộng để ba ba có chỗ trú ẩn khi thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh. Trên bờ ruộng phải lót bạt căng lưới cao để ba ba khỏi bò đi, sau khi gieo lúa khoảng 1 tháng thì thả ba ba với mật độ 1 con/2 - 3 m².

Khi ba ba còn nhỏ thì không phải cho ăn vì ba ba lên ruộng ăn thức ăn tự nhiên, khi lớn lên phải bổ sung thức ăn là cá tạp, nhuyễn thể... tùy theo kích cỡ thả và nhu cầu tiêu thụ mà có thời gian thu hoạch phù hợp.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

TRÀ VINH: GIÁ NHIỀU LOẠI TRÁI CÂY ĐẶC SẢN GIẢM MẠNH

Các nhà vườn ở Trà Vinh đang vào vụ thu hoạch nhiều loại trái cây đặc sản như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt... Tuy nhiên, điều đáng lo ngại trong những ngày gần đây, giá trái cây trên địa bàn đang có xu hướng giảm mạnh, gây thất thu rất lớn cho các nhà vườn.

Cụ thể như: măng cụt đầu vụ có giá từ 45.000 - 50.000 đồng/kg nay chỉ còn 15.000 - 17.000 đồng/kg; sầu riêng cơm vàng hạt lép từ 40.000 - 45.000 đồng/kg nay chỉ còn 18.000 - 20.000 đồng/kg, chôm chôm từ 18.000 - 20.000 đồng/kg nay chỉ còn 7.000 - 8.000 đồng/kg... Theo các thương lái, nguyên nhân giá trái cây đặc sản ở địa phương giảm mạnh là do nhà vườn các tỉnh vùng ĐBSCL đang vào vụ thu hoạch rộ nhiều loại trái cây, với sản lượng lớn. Cộng với, lượng trái cây đặc sản từ miền Đông Nam Bộ và miền Bắc đổ về khiến cung vượt cầu.

Trà Vinh hiện có khoảng 20.000 ha vườn cây ăn trái đặc sản, sản lượng đạt khoảng 170.000 - 180.000 tấn quả/năm; tập trung chủ yếu ở 3 huyện: Cầu Kè, Tiểu Cần và Càng Long. Trong đó, huyện Cầu Kè chiếm hơn 8.000 ha, sản lượng đạt 120.000 tấn quả/năm

Theo TTXVN

THỤY SỸ MUỐN NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM

Thương vụ Việt Nam tại Thụy Sĩ cho biết, vừa nhận được yêu cầu về việc nhập khẩu hàng nông sản từ Việt Nam vào Thụy Sĩ.

Theo đó, hàng hóa được yêu cầu nhập khẩu bao gồm rau tươi các loại theo mùa, đặc biệt là rau cải, rau thơm, ớt tươi... Đối với hoa quả, Thụy Sĩ có nhu cầu cao về măng cầu, vải, xoài, chôm chôm... Thương vụ Việt Nam tại Thụy Sĩ cho biết thêm, để xuất khẩu (XK) nông sản vào Thụy Sĩ, các sản phẩm thường phải phù hợp với tiêu chuẩn chung của châu Âu.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2014, trị giá XK hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam sang thị trường Thụy Sĩ đạt 263 triệu USD. Các mặt hàng Việt Nam XK chủ yếu sang Thụy Sĩ là hàng đá quý, thủy sản, máy móc, giày dép, cà phê, dệt may, sản phẩm túi xách, ô dù và đồ dùng nội thất... Ngược lại, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Thụy Sĩ là kim loại quý, máy móc thiết bị, phụ tùng, hóa chất, tân dược, sản phẩm và nguyên liệu chất dẻo phục vụ cho sản xuất và gia công hàng hóa trong nước...

Theo CP

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

NGÀNH THỦY SẢN SCOTLAND HƯỚNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Các công ty sản xuất và chế biến thủy sản Scotland cho rằng nước này đang xuất khẩu (XK) quá nhiều thủy sản sang Mỹ, châu Âu và các nước khác, thay vì phát triển thị trường nội địa.

Hiện nay, 80% thủy sản Scotland được XK, mang lại giá trị 964,5 triệu USD trong năm 2014, tăng 6,6% so với năm 2013. Trong khi đó, theo Hiệp hội Thủy sản Scotland, đến 80% thủy sản tiêu thụ trong nước là hàng nhập khẩu. Các công ty tập trung cho XK thường vì mục đích lợi nhuận, khi người tiêu dùng trả mức giá cao hơn với điều kiện đảm bảo an toàn chất lượng. Scotland XK cá hồi salmon, cá thu và thủy sản có vỏ như cua langoustines và cua nâu sang Mỹ, Pháp, Tây Ban Nha, Italia và Bồ Đào Nha. Hiện nay, khu vực Đông Nam Á trở thành thị trường mới nổi. Nhu cầu của thị trường trong nước không phải là nhỏ. Thị trường này ưa chuộng các sản phẩm cá thịt trắng như cá tuyết cod, cá tuyết chấm đen (haddock), tôm nước ấm loại nhỏ và cá ngừ.

Nắm bắt cơ hội, nhiều nhà hàng cũng đã sử dụng thủy sản trong nước. Do nguồn cung tăng, ngành thủy sản Scotland nói riêng và thủy sản Vương quốc Anh nói chung đang đẩy mạnh truyền thông. Giá không còn là vấn đề bởi rõ ràng thủy sản có chỗ đứng tại thị trường trong nước.

Theo VASEP

FAO: GIÁ LƯƠNG THỰC TOÀN CẦU TIẾP TỤC ĐÀ GIẢM GẦN NHƯ LIÊN TỤC

Theo Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO), giá lương thực toàn cầu giảm trong tháng 6 đầu năm 2015, tiếp tục đà giảm gần như liên tục kể từ tháng 4/2014, dẫn đầu là giá bơ sữa và đường.

Chỉ số giá lương thực của FAO - biểu thị sự biến động theo tháng của giá ngũ cốc, hạt có dầu, thịt và đường - ở mức trung bình 165,1 điểm trong tháng 6, giảm 1,5 điểm (0,9%), so với tháng 5 và là thấp nhất kể từ tháng 9/2009.

Sản lượng toàn cầu cao, đồng đô la Mỹ và giá dầu giảm đã khiến giá lương thực tiếp tục giảm trong năm qua. FAO dự báo sản lượng ngũ cốc toàn cầu sẽ ở mức tương đối trong năm 2015, khoảng 2,5 tỉ tấn. Theo nhà kinh tế kỳ cựu của FAO, Concepcion Calpe, tình hình nguồn cung rất khá, nhưng những bất ổn tài chính ở Trung Quốc và Hy Lạp có thể gây ra những biến động về giá trong tương lai. Về thị trường gạo, trong báo cáo giám sát thị trường gạo mới nhất, FAO đã nâng dự báo lượng gạo xuất khẩu trên toàn cầu lên 42 triệu tấn năm 2015, thấp hơn 800.000 tấn so với tổng khối lượng gạo được giao dịch trong năm 2014.

FAO cũng cho biết, sản xuất lúa gạo toàn cầu năm 2015 được dự báo sẽ phục hồi nhẹ so với năm 2014, nhưng sản xuất tại ba nước lớn ở châu Á gồm Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam vẫn chịu áp lực do thiếu mưa.

Theo TTXVN